

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **192** /BC-UBND

Đắk Lắk, ngày **19** tháng 6 năm 2025

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh 6 tháng đầu năm và các nhiệm vụ trọng tâm 6 tháng cuối năm 2025

I. TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2025

1. Tình hình thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm, đột phá thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công

Ngay từ đầu năm, UBND tỉnh đã sớm giao chỉ tiêu kế hoạch năm 2025 và tập trung chỉ đạo các cấp, các ngành, các địa phương tiếp tục phát huy tinh thần chủ động, sáng tạo, tập trung, quyết liệt thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh năm 2025. Sau khi Chính phủ ban hành Nghị quyết số 25/NQ-CP ngày 05/02/2025, UBND tỉnh đã tổ chức thực hiện rất khẩn trương và quyết liệt, kịp thời xây dựng "*Đề án bổ sung về phát triển kinh tế - xã hội năm 2025*", trong đó xác định rõ kịch bản tăng trưởng theo từng lĩnh vực, động lực tăng trưởng, các giải pháp trọng tâm để đạt được mục tiêu GRDP năm 2025 đạt 8% trở lên (Đề án số 1372/ĐA-UBND ngày 14/02/2025 của UBND tỉnh) và HĐND tỉnh đã thông qua Nghị quyết điều chỉnh một số chỉ tiêu kinh tế - xã hội và bổ sung nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm để thống nhất triển khai thực hiện trong toàn tỉnh. Đồng thời, UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 59/KH-UBND ngày 18/3/2025 thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm, đột phá thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, tăng thu ngân sách nhà nước và đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công, bảo đảm mục tiêu tăng trưởng của tỉnh Đắk Lắk năm 2025 đạt 8% trở lên.

Tại Kế hoạch số 59/KH-UBND ngày 18/3/2025 của UBND tỉnh đã xác định 56 công việc cụ thể giao cho từng cơ quan, đơn vị chủ trì thực hiện, dự kiến sản phẩm, kết quả, thời gian hoàn thành và xác định danh mục các dự án ngoài ngân sách cần tập trung tháo gỡ, tạo nguồn lực tăng thêm để đạt tăng trưởng 8% (*Tiến độ thực hiện nhiệm vụ được giao của các cơ quan, đơn vị chi tiết tại Phụ lục 3 và Phụ lục 4 kèm theo*).

2. Kết quả thực hiện một số chỉ tiêu chủ yếu

(1) Về tăng trưởng kinh tế: Tình hình kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh trong 6 tháng đầu năm 2025 tiếp tục duy trì phát triển, các chỉ tiêu kinh tế - xã hội chủ yếu đều tăng trưởng so với cùng kỳ năm trước, dự kiến tăng trưởng kinh tế của tỉnh Đắk Lắk trong quý II và 6 tháng vượt kịch bản tăng trưởng đề ra (KBTT: 6,45%), cụ thể như sau:

Tăng trưởng kinh tế 6 tháng đầu năm 2025 ước đạt 6,64%¹. Trong đó:

- Khu vực Nông, lâm nghiệp và thủy sản ước đạt 5,97%;
- Khu vực Công nghiệp – Xây dựng ước đạt 9,87%. Riêng Công nghiệp ước đạt 12,08%;
- Khu vực Dịch vụ ước đạt 6,51%;
- Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm ước đạt 0,97%.

* *Cơ cấu kinh tế*: Nông, lâm, thủy sản chiếm 33,28%; công nghiệp - xây dựng chiếm 19,29%; dịch vụ chiếm 43,01%; thuế sản phẩm (trừ trợ cấp sản phẩm) chiếm 4,42% (cùng kỳ năm 2024 lần lượt là: 28,86% - 18,32% - 47,79% - 5,03%).

(2) Huy động vốn đầu tư toàn xã hội ước đạt 18.147 tỷ đồng, tăng 11,34% so với cùng kỳ năm 2024, bằng 37,91% KH (KH: 47.870 tỷ đồng).

(3) Tổng kim ngạch xuất khẩu ước đạt 1.293 triệu USD, tăng 27,9% so với cùng kỳ năm 2024, đạt 69,4% KH (KH: 1.860 triệu USD).

(4) Tổng mức lưu chuyển hàng hóa bán lẻ và doanh thu dịch vụ ước đạt 59.200 tỷ đồng, tăng 10,9% so với cùng kỳ năm 2024, đạt 49,3% KH (KH: 120.000 tỷ đồng).

(5) Tổng thu cân đối ngân sách nhà nước trên địa bàn ước đạt 5.640 tỷ đồng, tăng 32,35% so với cùng kỳ năm 2024, bằng 71,77% dự toán Trung ương và bằng 59% dự toán HĐND tỉnh giao² (KH năm 2025: HĐND tỉnh giao 9.550 tỷ đồng; dự toán TW giao 7.858 tỷ đồng). **Trong đó:**

- Thu thuế, phí đạt 3.747 tỷ đồng, tăng 15,6% so với cùng kỳ năm 2024 và đạt 66,1% dự toán TW giao, đạt 59,4% dự toán HĐND tỉnh giao.

- Thu biện pháp tài chính đạt 1.755 tỷ đồng, tăng 102,4% so với cùng kỳ năm 2024 và bằng 89,9% dự toán TW giao, 59% dự toán HĐND tỉnh giao; trong đó, thu tiền sử dụng đất đạt 1.562 tỷ đồng, đạt 57% KH (trong đó cấp tỉnh thực hiện 543 tỷ đồng, đạt 47,64% KH; cấp huyện thực hiện 1.019 tỷ đồng, đạt 63,7% KH).

(6) Phát triển doanh nghiệp (DN): Ước có 1.120 DN thành lập mới, tăng 56,64% so với cùng kỳ năm 2024, đạt 35,13% KH năm 2025 (KH: 3.188 DN); tổng vốn đăng ký 13.267 tỷ đồng, tăng 157% so với cùng kỳ³. Lũy kế đến 30/6/2025, trên địa bàn tỉnh ước có 14.831 DN đăng ký, hoạt động (gồm 13.751 doanh nghiệp và 1.080 chi nhánh của doanh nghiệp ngoài tỉnh); có 37 HTX thành lập mới, đạt 61,67% KH năm 2025 (KH: 60 HTX).

(7) Giải quyết việc làm cho khoảng 16.300 lao động, đạt 53,8% KH (KH: 30.300 người), trong đó xuất khẩu lao động khoảng 950 người (KH: 2.500 người).

¹ Số liệu do Chi cục Thống kê tỉnh tạm tính để phục vụ xây dựng Dự thảo Nghị quyết về phát triển KTXH 6 tháng cuối năm 2025. Số liệu chính thức sẽ được cập nhật sau khi Cục Thống kê – Bộ Tài chính công bố theo quy định (dự kiến ngày 01/7/2025).

² Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết: 119 tỷ đồng, tăng 29,87% so với cùng kỳ năm 2024, đạt 72,26% dự toán TW và 66,24% dự toán HĐND tỉnh giao; Thu thuế XNK: 19 tỷ đồng, giảm 69% so với cùng kỳ năm trước, đạt 25% dự toán TW và 19,47% dự toán HĐND tỉnh giao.

³ Tổng vốn đăng ký 6 tháng năm 2024 là 5.171 tỷ đồng.

(8) Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng (cân nặng theo độ tuổi) giảm còn 17,4% (KH: 17,4%). Số giường bệnh trên một vạn dân (không tính giường của trạm y tế xã) đạt 28,5 giường/1 vạn dân (KH: 29 giường/1 vạn dân). Số bác sỹ trên một vạn dân đạt 7,7 bác sỹ/1 vạn dân (KH: 8 bác sỹ/1 vạn dân). Tỷ lệ bao phủ Bảo hiểm Y tế đạt 91,82% (KH: 95%).

(9) Tỷ lệ chất thải rắn đô thị được thu gom và xử lý đạt 91,9% (KH: 92%); Tỷ lệ dân số thành thị được cung cấp nước sạch đạt 92,13% (KH: 92,5%).

(10) Quốc phòng, an ninh: Tuyển quân đạt 100% chỉ tiêu kế hoạch; tỷ lệ điều tra, khám phá tội phạm về trật tự xã hội đạt 72,9% (KH: 85%), trong đó án rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng điều tra làm rõ đạt 80% (KH: 90%). Cơ bản đảm bảo an ninh trật tự và an toàn xã hội trên địa bàn, tai nạn giao thông giảm 02 tiêu chí so với cùng kỳ năm 2024, xảy ra 145 vụ (giảm 20 vụ); 113 người chết (tăng 14 người); 86 người bị thương (giảm 27 người).

* **Còn lại 05 chỉ tiêu:** (1) GRDP bình quân đầu người, (2) Phát triển cơ sở hạ tầng, (3) mức giảm tỷ lệ hộ nghèo, (4) Tỷ lệ trường học đạt chuẩn quốc gia; (5) số xã đạt chuẩn nông thôn mới và một số chỉ tiêu thành phần như: Tỷ lệ lao động nông nghiệp trong tổng số lao động tham gia hoạt động kinh tế, Tỷ lệ lao động được đào tạo so với tổng số lao động, Tỷ lệ khu, cụm công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường, Tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh, Tỷ lệ che phủ rừng sẽ được đánh giá vào cuối năm. Riêng chỉ tiêu cải cách hành chính sẽ đánh giá sau khi Bộ Nội vụ công bố kết quả.

3. Lĩnh vực kinh tế

3.1. Sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản:

Ngành nông nghiệp và các địa phương tập trung chỉ đạo sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản; thực hiện tốt tái cơ cấu ngành nông nghiệp. Công tác triển khai hỗ trợ, cấp mã số vùng trồng để nâng cao giá trị cho sản phẩm nông nghiệp của tỉnh được quan tâm thực hiện⁴. Kết quả sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản 6 tháng đầu năm 2025 như sau:

- *Về trồng trọt:* Gieo trồng Vụ Đông - Xuân năm 2024 - 2025 vượt kế hoạch đề ra với tổng diện tích 69.360 ha/63.000 ha, đến nay đã thu hoạch đạt 100% diện tích gieo trồng. Sản lượng lương thực thu hoạch ước đạt 400.275 tấn, đạt 26,42% KH năm, tăng 1,48% so với cùng kỳ năm trước. Vụ Hè Thu năm 2025 đến nay đã gieo trồng được 81.316ha/201.900ha, đạt 40,28% KH.

Tổng diện tích cây lâu năm hiện có 373.772 ha, tăng 1,64% (tương ứng với 6.043 ha) so với cùng kỳ năm 2024. Sản lượng một số sản phẩm nông sản chủ yếu tăng so với cùng kỳ năm 2024, trong đó nổi bật là cao su mủ khô tăng tới 33,58%, hồ tiêu tăng 11,28%, mía cây tăng 46,69%.

⁴ Đến nay, trên địa bàn tỉnh đã được phê duyệt 111 mã số vùng trồng xuất khẩu với tổng diện tích 4.142,94 ha trên các loại cây trồng như sầu riêng, xoài, vải, nhãn, chuối, ổi và 34 mã số vùng trồng nội địa với tổng diện tích 1.073,49 ha trên các loại cây trồng như lúa nước, mít, thanh long, bơ, cà phê, hồ tiêu, sầu riêng, rau, chuối và chanh leo; có 08 vùng trồng lúa được cấp mã số với diện tích 66,71 ha.

- *Về chăn nuôi*: Sản xuất chăn nuôi của tỉnh được duy trì tương đối ổn định. Tổng số lượng đàn gia súc, gia cầm toàn tỉnh ước đạt khoảng 18,4 triệu con, tăng 11,47% so với cùng kỳ năm 2024. Sản lượng thịt hơi các loại ước đạt 162.480 tấn, đạt 50,01% KH, sản lượng trứng các loại ước đạt 306,68 triệu quả, đạt 50,19% KH. Công tác phòng chống dịch bệnh trên gia súc, gia cầm được theo dõi chặt chẽ, mặc dù bệnh Dịch tả lợn Châu Phi vẫn còn xảy ra nhưng không có tình trạng bùng phát trên diện rộng.

- *Về thủy sản*: Diện tích nuôi trồng thủy sản đạt 6.900 ha, đạt 60% KH, tăng 14,64% so với năm 2024. Sản lượng nuôi trồng thủy sản ước đạt 8.220 tấn, đạt 36,24% KH, tăng 7,14% so với năm 2024; sản lượng khai thác thủy sản đạt 1.467 tấn, đạt 49,39% KH, tăng 0,2% so với năm 2024.

- *Lâm nghiệp*: Công tác trồng rừng và phát triển rừng được quan tâm chỉ đạo ngay từ đầu năm. Ước đến hết tháng 6, toàn tỉnh trồng được 200/1.817ha, đạt 11%KH (KH: 1.817 ha). Công tác quản lý, bảo vệ, PCCC rừng tiếp tục được các ngành chức năng, các địa phương và các chủ rừng chú trọng thực hiện. Tuy nhiên, tình trạng phá rừng, lấn chiếm đất rừng trái phép vẫn còn xảy ra, đến nay xảy ra 487 vụ vi phạm về lâm nghiệp (giảm 73 vụ so với cùng kỳ năm trước), lâm sản tịch thu khoảng 87,4 m3 gỗ các loại.

- *Công tác thủy lợi, phòng chống thiên tai*: Hệ thống kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn được đầu tư nâng cấp và từng bước hiện đại hóa, phục vụ ngày càng tốt hơn cho sản xuất, đời sống dân sinh, phòng chống thiên tai. Đến nay, toàn tỉnh có 880 công trình thủy lợi (tăng 22 công trình so với cùng kỳ năm 2024), gồm: 624 hồ chứa nước, 168 đập dâng, 86 trạm bơm và 02 hệ thống đê bao. Tổng diện tích cây trồng được tưới hơn 270.249 ha, trong đó diện tích tưới trực tiếp từ công trình thủy lợi 151.616 ha, diện tích tưới do tạo nguồn hỗ trợ và các hình thức công trình khác khai thác nước tưới từ các nguồn nước mặt sông suối, ao và nước ngầm tưới cho khoảng 118.663 ha.

Từ đầu năm đến nay, trên địa bàn tỉnh xảy ra 02 đợt mưa lũ và 02 đợt mưa lớn, gây sạt lở tại một số vị trí bờ sông với chiều dài khoảng 20 m, hư hỏng 2 nhà dân và hơn 1.200 ha cây trồng bị ảnh hưởng. Ước tính giá trị thiệt hại trên 12 tỷ đồng.

- *Chương trình xây dựng nông thôn mới*: Các ngành và các địa phương tiếp tục tập trung triển khai Chương trình xây dựng NTM. Lũy kế đến nay, toàn tỉnh đã công nhận được 329 sản phẩm OCOP (trong đó có 02 sản phẩm đạt 5 sao, 01 sản phẩm tiềm năng 5 sao, 39 sản phẩm đạt 4 sao, 10 sản phẩm tiềm năng 4 sao) của 48 Hợp tác xã, 62 doanh nghiệp và 82 Hộ kinh doanh/cơ sở sản xuất.

3.2. Về lĩnh vực công nghiệp – xây dựng:

a) Công nghiệp:

Chỉ số sản xuất công nghiệp lũy kế 6 tháng đầu năm 2025 duy trì mức tăng trưởng khá, ước tăng 15% so với cùng kỳ năm 2024. Các nhà máy sản xuất, chế biến công nghiệp trên địa bàn tỉnh duy trì hoạt động sản xuất ổn định. Công nghiệp chế biến, chế tạo đóng vai trò quan trọng, chiếm tỷ trọng lớn trong ngành công nghiệp của tỉnh, duy trì tốc độ tăng trưởng cao so với cùng kỳ năm trước, đa số sản

lượng sản phẩm chủ yếu đều tăng, đặc biệt sản lượng cà phê bột các loại tăng 10,9%; hạt điều nhân tăng 23,9%; vỏ bào, dăm gỗ tăng 40%,... Đến cuối kỳ báo cáo, dự báo một số nhà máy sản xuất tinh bột sắn, đường sẽ tạm dừng do hết mùa nguyên liệu phục vụ sản xuất. Đối với lĩnh vực luyện cán thép sản xuất tăng 18% so với cùng kỳ năm 2024. Các nhà máy thủy điện, điện năng lượng tái tạo trên địa bàn tỉnh duy trì hoạt động ổn định; sản lượng điện sản xuất đạt 40,7% KH năm, tăng 16%. Sản lượng điện thương phẩm duy trì ổn định, mạng lưới điện tiếp tục có sự phát triển, ước thực hiện đạt 1.315 triệu Kwh đạt 52,6 % kế hoạch. Công nghiệp khai khoáng 6 tháng đầu năm cơ bản duy trì ở mức tăng trưởng, tiêu thụ ổn định, đáp ứng nhu cầu của thị trường.

Hạ tầng khu, cụm công nghiệp tiếp tục được quan tâm đầu tư⁵. Đối với các cụm công nghiệp đang hoạt động, có 179 dự án đầu tư và đã có chủ trương đăng ký đầu tư, thu hút khoảng 6.500 lao động làm việc; tỷ lệ lấp đầy khoảng 92%. Đối với các Khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh: Đến nay, tổng số dự án đăng ký đầu tư vào Khu công nghiệp Hòa Phú là 59 dự án với tổng vốn đăng ký đầu tư khoảng 6.104 tỷ đồng, trong đó có 05 dự án FDI, với tổng vốn đăng ký đầu tư khoảng 2.224 tỷ đồng, tương đương 92,6 triệu USD; tỷ lệ lấp đầy đạt gần 100%.

b) Về hoạt động xây dựng và giao thông vận tải:

Công tác quản lý quy hoạch xây dựng, quản lý xây dựng theo quy hoạch,... được các cấp, các ngành chức năng tổ chức thực hiện đúng quy định; kịp thời cho ý kiến về việc tạm dừng công tác lập Chương trình Phát triển đô thị do liên quan đến việc tổ chức đơn vị hành chính 02 cấp. Triển khai Đề án Đầu tư xây dựng ít nhất 1 triệu căn hộ nhà ở xã hội cho đối tượng thu nhập thấp, công nhân KCN năm 2025 và giai đoạn 2026-2030, UBND tỉnh đã ban hành Quy định khung giá cho thuê nhà ở xã hội được đầu tư xây dựng không bằng vốn đầu tư công, nguồn tài chính công đoàn trên địa bàn tỉnh. Kết quả 6 tháng đầu năm dự kiến hoàn thành xây dựng 155 căn nhà ở xã hội, đạt 8,61% KH (KH: 1.800 căn).

Tình hình thực hiện chỉ tiêu quy hoạch xây dựng đô thị và nông thôn: Tỷ lệ đô thị có quy hoạch chung đô thị được phê duyệt đạt 100%, trong đó có 08 đô thị đã rà soát và điều chỉnh tổng thể⁶. Về tỷ lệ phủ kín quy hoạch phân khu đô thị (tỷ lệ 1/2000): Tp. Buôn Ma Thuột đạt 74,15%; thị xã Buôn Hồ đạt 27,98%. Tỷ lệ phủ quy hoạch chi tiết đô thị (đối với thị trấn thuộc huyện) trung bình đạt 23,06%. Quy hoạch chung xây dựng xã rà soát, điều chỉnh tổng thể giai đoạn 2021-2035 đạt 81,88% (122/149 xã đã phê duyệt đồ án điều chỉnh, tăng 19 xã so với cùng kỳ năm 2024),...

Công tác quản lý, bảo trì, bảo dưỡng thường xuyên và sửa chữa các quốc lộ, tỉnh lộ thuộc địa phương quản lý được các đơn vị chức năng tập trung triển khai, cơ bản đảm bảo tiến độ. Việc quản lý đầu tư xây dựng công trình giao thông, thẩm định hồ sơ thiết kế, dự toán, đảm bảo tiến độ, chất lượng; quản lý vận tải, các cơ sở

⁵ Về tình hình xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung: Cụm công nghiệp Tân An 1 và 2 đạt trên 95% khối lượng tổng thể, hiện nay đang tiếp tục triển khai cấy men vi sinh, bùn hoạt tính xử lý và đấu nối nguồn nước thải từ các nhà máy để phục vụ cho công tác vận hành thử; Cụm công nghiệp Ea Đar đã hoàn thành thi công và tiếp tục thực hiện công tác đấu nối với các nhà máy đang hoạt động trong cụm. Đối với Cụm công nghiệp Ea Lê hiện đang thực hiện công tác giải phóng mặt bằng phục vụ đầu tư xây dựng đường giao thông nội bộ.

⁶ Thị xã Buôn Hồ; thị trấn Ea Kar; Buôn Tráp; Liên Sơn; M'Drắk; Krông Năng; Đô thị Ea Na; và Phước An.

đăng kiểm và cơ sở đào tạo, sát hạch lái xe hoạt động theo đúng quy định hiện hành⁷.

Việc đầu tư xây dựng các tuyến đường giao thông kết nối, công trình, dự án trọng điểm được quan tâm thực hiện. Nghiên cứu, phối hợp với UBND tỉnh Phú Yên đề xuất phương án Đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Phú Yên – Đắk Lắk theo phương thức đối tác công tư, Dự án Nâng cấp, mở rộng quốc lộ 29.

3.3. Về thương mại - dịch vụ:

- *Về thương mại:* Tổng mức lưu chuyển hàng hóa bán lẻ và doanh thu dịch vụ ước đạt 59.200 tỷ đồng, tăng 10,9% so với cùng kỳ năm 2024, đạt 49,3% KH (KH: 120.000 tỷ đồng). Nhìn chung, tình hình thị trường trên địa bàn tỉnh tương đối ổn định, không xảy ra tình trạng khan hiếm hoặc tăng giá đột biến. Doanh thu từ hoạt động bán lẻ và ngành dịch vụ duy trì ở mức tăng trưởng; nhu cầu mua sắm, tiêu dùng của người dân tăng cao và thu hút lượng lớn khách du lịch đến với địa phương trong kỳ nghỉ lễ lớn trong kỳ. Các doanh nghiệp kinh doanh thương mại thường xuyên triển khai các chương trình khuyến mại nhằm kích cầu tiêu dùng, bình ổn thị trường, bảo đảm sự chi phối, dẫn dắt và định hướng giá thị trường ổn định. Thương mại điện tử tiếp tục phát triển mạnh, trở thành kênh phân phối quan trọng, góp phần phát triển chuỗi cung ứng và lưu thông hàng hóa, tạo động lực phát triển kinh tế của tỉnh.

Kim ngạch xuất khẩu toàn tỉnh ước đạt 1.293 triệu USD, tăng 27,9% so với cùng kỳ năm 2024, đạt 69,5% KH (KH: 1.860 triệu USD). Kim ngạch xuất khẩu trong 6 tháng đầu năm duy trì mức tăng trưởng cao so với cùng kỳ năm trước chủ yếu là do các nhà nhập khẩu ở các quốc gia khác gia tăng đơn hàng trước những lo ngại từ việc Mỹ áp thuế đối ứng sau thời gian gia hạn 90 ngày.

Kim ngạch nhập khẩu toàn tỉnh ước đạt 335 triệu USD, tăng 26,9% so với cùng kỳ năm 2024, đạt 63,8% KH (KH: 525 triệu USD), các mặt hàng nhập khẩu chủ yếu là nguyên liệu, phân bón, máy móc thiết bị, phụ tùng và các mặt hàng để phục vụ kinh doanh, sản xuất.

- Về dịch vụ:

Dịch vụ du lịch: Hoạt động xúc tiến du lịch, nâng cao các sản phẩm du lịch được tỉnh chú trọng triển khai thực hiện. Ngay từ đầu năm, tỉnh đã tích cực triển khai vận động, mạnh dạn đăng cai tổ chức, đưa các sự kiện, hoạt động văn hóa lớn về địa phương vào các dịp lễ, kỳ nghỉ dài ngày (như Chương trình khinh khí cầu, Liên hoan âm nhạc Asean, Chương trình ca múa nhạc toàn quốc...); tổ chức thành công Lễ hội cà phê Buôn Ma Thuật lần thứ 9 và các hoạt động trong khuôn khổ lễ hội, thu hút lượng lớn khách du lịch trong và ngoài nước đến với tỉnh và thúc đẩy các ngành dịch vụ phát triển. Tổng thu từ du lịch toàn tỉnh 6 tháng đầu năm 2025 ước đạt 1.115 tỷ đồng, đạt 69,66% KH, tăng 72,53% so với cùng kỳ 2024. Tổng số khách đón tiếp ước đạt 1.265 nghìn lượt khách, đạt 70,28% KH, tăng 62,28% so với cùng kỳ 2024, trong đó: khách trong nước ước đón 1.229,4 nghìn lượt khách, tăng 61,3%; khách quốc tế 35,6 nghìn lượt khách, tăng 104,53%.

⁷ Đã kiểm định được 63.281 lượt phương tiện, số phương tiện đạt tiêu chuẩn an toàn kỹ thuật 51.006 phương tiện, số phương tiện không đạt tiêu chuẩn an toàn kỹ thuật 12.275 phương tiện.

Về dịch vụ vận tải: Các doanh nghiệp vận tải tiếp tục nâng cao năng lực vận chuyển, chất lượng dịch vụ, đáp ứng nhu cầu đi lại, vận chuyển hàng hóa của người dân. Khối lượng vận chuyển hành khách đạt 6.921 ngàn lượt hành khách, lượng hành khách luân chuyển đạt 705 triệu lượt hành khách.km, tăng 8,33% so với cùng kỳ năm 2024; khối lượng vận chuyển hàng hoá đạt 1.427 ngàn tấn, tăng 3,3% so với cùng kỳ năm trước; lượng hàng hoá luân chuyển đạt 408 triệu tấn.km, tăng 13,82% so với cùng kỳ năm 2024.

3.4. Về thu, chi ngân sách nhà nước và hoạt động ngân hàng:

a) *Thu, chi ngân sách:* Ngay từ đầu năm, UBND tỉnh đã triển khai đầy đủ các chính sách hỗ trợ về thuế Trung ương đã ban hành trong thời gian qua, tạo điều kiện thuận lợi, hỗ trợ người dân, doanh nghiệp trong quá trình thực hiện các TTHC về thuế, đồng thời chỉ đạo các cơ quan, đơn vị thường xuyên rà soát các nguồn thu, tăng cường các biện pháp chống thất thu thuế.

(5) Tổng thu cân đối ngân sách nhà nước trên địa bàn ước đạt 5.640 tỷ đồng, tăng 32,35% so với cùng kỳ năm 2024, bằng 71,77% dự toán Trung ương và bằng 59% dự toán HĐND tỉnh giao⁸ (KH năm 2025: HĐND tỉnh giao 9.550 tỷ đồng; dự toán TW giao 7.858 tỷ đồng). **Trong đó:**

- Thu thuế, phí đạt 3.747 tỷ đồng, tăng 15,6% so với cùng kỳ năm 2024 và đạt 66,1% dự toán TW giao, đạt 59,4% dự toán HĐND tỉnh giao.

- Thu biện pháp tài chính đạt 1.755 tỷ đồng, tăng 102,4% so với cùng kỳ năm 2024 và bằng 89,9% dự toán TW giao, 59% dự toán HĐND tỉnh giao; trong đó, thu tiền sử dụng đất đạt 1.562 tỷ đồng, đạt 57% KH (trong đó cấp tỉnh thực hiện 543 tỷ đồng, đạt 47,64% KH; cấp huyện thực hiện 1.019 tỷ đồng, đạt 63,7% KH).

Tổng chi ngân sách địa phương thực hiện 13.925 tỷ đồng, tăng 24,47% so cùng kỳ năm 2024, bằng 52% dự toán TW giao và 49,4% dự toán HĐND tỉnh giao⁹.

b) *Hoạt động ngân hàng:* Ước đến hết tháng 6/2025, tổng nguồn vốn huy động đạt 104.000 tỷ đồng, tăng 19,31% so với cùng kỳ và tăng 7,5% so với đầu năm 2025; tổng dư nợ cho vay toàn địa bàn đạt 182.000 tỷ đồng, tăng 16,27% so với cùng kỳ và tăng 7,3% so với đầu năm 2025; nợ xấu chiếm khoảng 1% tổng dư nợ cho vay. Dư nợ cho vay của Ngân hàng Chính sách Xã hội tỉnh đạt 8.570 tỷ đồng, tăng 8,44% so với cùng kỳ năm 2024. Với 19 chương trình tín dụng (chủ yếu tập trung cho vay hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; cho vay giải quyết việc làm; cho vay nước sạch vệ sinh môi trường; cho vay xuất khẩu lao động,...), tín dụng tại Ngân hàng Chính sách Xã hội cơ bản đáp ứng nhu cầu vay vốn của các đối tượng chính sách, có hoàn cảnh khó khăn, góp phần đảm bảo an sinh xã hội tại địa phương.

⁸ Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết: 119 tỷ đồng, tăng 29,87% so với cùng kỳ năm 2024, đạt 72,26% dự toán TW và 66,24% dự toán HĐND tỉnh giao; Thu thuế XNK: 19 tỷ đồng, giảm 69% so với cùng kỳ năm trước, đạt 25% dự toán TW và 19,47% dự toán HĐND tỉnh giao.

⁹ Trong đó: Chi đầu tư phát triển: 4.990 tỷ đồng, tăng 4,66% so với cùng kỳ năm 2024, đạt 67,47% dự toán TW giao và đạt 59,26% dự toán HĐND tỉnh giao. Chi thường xuyên 8.935 tỷ đồng, tăng 39,19% so với cùng kỳ năm 2024, đạt 47,14% dự toán TW giao và 45,2% dự toán HĐND tỉnh giao.

3.5. Công tác xúc tiến, thu hút đầu tư:

Công tác xúc tiến đầu tư, hỗ trợ tháo gỡ khó khăn, vướng mắc và tạo điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp, nhà đầu tư thực hiện thủ tục đầu tư, triển khai dự án và sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh được các cấp, các ngành quan tâm thực hiện. Trong 6 tháng đầu năm, UBND tỉnh đã phê duyệt quyết định chủ trương đầu tư cho 09 dự án với tổng số vốn đầu tư 1.195,6 tỷ đồng; UBND tỉnh đã phê duyệt điều chỉnh 23 dự án, trong đó có 02 dự án điều chỉnh tăng tổng vốn đầu tư là 90 tỷ đồng. Bên cạnh đó, có 76 nhà đầu tư đến tìm hiểu về môi trường đầu tư tại tỉnh, trong đó có 01 đoàn nhà đầu tư Hàn Quốc khảo sát, tìm hiểu về việc đầu tư dự án sân golf tại tỉnh.

Tại Khu công nghiệp Hòa Phú, Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh đã điều chỉnh giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, chủ trương đầu tư cho 06 dự án, trong đó có 02 dự án FDI điều chỉnh tăng tổng vốn đầu tư thêm 5 triệu USD.

Hỗ trợ phát triển chính thức (ODA): Vừa qua, Thủ tướng Chính phủ đã có Quyết định số 1019/QĐ-TTg ngày 27/5/2025 phê duyệt đề xuất Dự án Phát triển đô thị khu vực phía Đông và dọc hành lang suối Ea Nao - Ea Tam, thành phố Buôn Ma Thuột. Hiện UBND tỉnh đang giao các đơn vị tham mưu, triển khai các thủ tục tiếp theo và tiếp tục thu hút, triển khai thực hiện các thủ tục pháp lý liên quan đối với 05 dự án đang vận động¹⁰. Tiếp tục phối hợp, tham mưu kịp thời tháo gỡ những khó khăn vướng mắc, tạo điều kiện cho chương trình, dự án ODA triển khai thực hiện các dự án và giải ngân vốn ODA đúng tiến độ, kế hoạch năm 2025.

Viện trợ phi chính phủ nước ngoài (NGO): UBND tỉnh đã phê duyệt tiếp 06 khoản viện trợ mới với tổng vốn viện trợ hơn 4,6 tỷ đồng. Lũy kế đến nay, trên địa bàn tỉnh đang triển khai 29 khoản viện trợ với tổng giá trị hơn 185 tỷ đồng, tương đương hơn 8,2 triệu USD, trong đó có 21 khoản viện trợ thuộc nguồn thu NSNN với tổng giá trị 153 tỷ đồng, tương đương hơn 6,9 triệu USD.

3.6. Về hỗ trợ, phát triển doanh nghiệp, kinh tế tập thể:

- *Về hỗ trợ, phát triển doanh nghiệp (DN):* UBND tỉnh đã ban hành nhiều chương trình, kế hoạch triển khai các nhiệm vụ, giải pháp cải thiện môi trường kinh doanh, hỗ trợ doanh nghiệp phát triển; giao nhiệm vụ hỗ trợ DNNVV cho các cơ quan, đơn vị với tổng kinh phí thực hiện năm 2025 từ NSTW là 1,98 tỷ đồng và NSDP là 824 triệu đồng. Tập trung xây dựng chương trình, kế hoạch và triển khai các nhiệm vụ, giải pháp tại Nghị quyết số 68-NQ/TW của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân.

¹⁰ (1) Dự án “Giảm thiểu khí thải tại khu vực Tây Nguyên và duyên hải Nam Trung Bộ Việt Nam nhằm góp phần thực hiện các mục tiêu Chương trình hành động quốc gia REDD+” do IFAD và GCF đồng tài trợ: UBND tỉnh đang thực hiện các thủ tục, trình cấp thẩm quyền xem xét, phê duyệt cho vay lại;

(2) Dự án hệ thống thoát nước và xử lý nước thải đô thị trên địa bàn thị xã Buôn Hồ, giai đoạn 1: Tỉnh Đắk Lắk phối hợp với KOICA Việt Nam tổ chức ký Biên bản thảo luận với KOICA ngày 09/4/2025;

(3) Dự án Phát triển cơ sở hạ tầng huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk: UBND tỉnh đã giao cho các cơ quan chuyên môn, UBND huyện Ea Kar tiếp thu, giải trình ý kiến của các Bộ theo Công văn số 6508/BTC-QLN ngày 14/5/2025 của Bộ Tài chính;

(4) Đề xuất Dự án Phát triển hạ tầng chuỗi giá trị nông nghiệp thông minh thích ứng với biến đổi khí hậu: UBND tỉnh Đắk Lắk đã có trình Đảng ủy UBND tỉnh báo cáo BTV dừng triển khai thực hiện dự án;

(5) Dự án Phát triển đô thị khu vực phía Đông và dọc hành lang suối Ea Nao - Ea Tam, thành phố Buôn Ma Thuột: Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt đề xuất dự án tại Quyết định số 1019/QĐ-TTg ngày 27/5/2025, UBND tỉnh đã giao các đơn vị tham mưu, triển khai các thủ tục tiếp theo.

Số DN thành lập mới trên địa bàn tỉnh là 1.120 DN¹¹, tăng 56,64% so với cùng kỳ năm trước, đạt 35,13% KH năm 2025 (KH: 3.188 DN); tổng vốn đăng ký 13.267 tỷ đồng, tăng 157% so với cùng kỳ năm trước, đạt 58% KH. Có 108 DN giải thể và 751 DN tạm ngừng kinh doanh, tăng 20,16% so với cùng kỳ năm trước. Bên cạnh đó, có 261 DN tạm ngừng đã hoạt động trở lại, tăng 26,7% so với cùng kỳ. Lũy kế đến nay, số doanh nghiệp còn đăng ký, hoạt động là 14.831 đơn vị (gồm 13.751 doanh nghiệp và 1.080 chi nhánh của doanh nghiệp ngoài tỉnh).

- Về hỗ trợ, phát triển kinh tế tập thể, HTX: Ước có 37 HTX thành lập mới đạt 61,67% KH (KH: 60 HTX). Đến nay, toàn tỉnh có 878 HTX và 05 Liên hiệp HTX đã đăng ký, trong đó có 701 HTX và 03 Liên hiệp HTX đang hoạt động, 177 HTX và 02 Liên hiệp HTX ngừng hoạt động. Các nhiệm vụ, giải pháp hỗ trợ HTX năm 2025 được quan tâm triển khai thực hiện¹²; tổ chức đánh giá kết quả 05 năm thực hiện Chương trình hỗ trợ phát triển KTTT, HTX giai đoạn 2021 – 2025; thực hiện rà soát, xử lý dứt điểm các Hợp tác xã ngừng hoạt động, chờ giải thể theo quy định mới. Thẩm định chỉ tiêu 13.1 thuộc Tiêu chí số 13 về tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn trong Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới của 06 xã¹³ đạt chuẩn nông thôn mới và 03 xã¹⁴ đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao.

- Công tác sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp nhà nước (DNNN): Tỉnh tiếp tục tập trung xử lý, giải quyết các vướng mắc trong quá trình thực hiện sắp xếp, đổi mới các DNNN thuộc tỉnh quản lý. Triển khai rà soát đề báo cáo, đề xuất điều chỉnh phương án sắp xếp, đổi mới các DNNN thuộc tỉnh quản lý theo Nghị định số 04/2024/NĐ-CP ngày 12/01/2024 của Chính phủ. Cho ý kiến đối với các nội dung thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh (cơ quan đại diện chủ sở hữu phần vốn nhà nước). Triển khai rà soát đối với các doanh nghiệp có vốn nhà nước đang thua lỗ; báo cáo Bộ Tài chính về kết quả giám sát tài chính năm 2024 đối với doanh nghiệp 100% vốn điều lệ và doanh nghiệp có vốn nhà nước.

3.7. Về quản lý đất đai, tài nguyên - môi trường:

Công tác quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường tiếp tục được tăng cường thực hiện. UBND tỉnh tiếp tục tập trung xây dựng, ban hành các văn bản quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai thuộc thẩm quyền của địa phương; trình HĐND tỉnh thông qua Danh mục các khu đất thực hiện đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất, làm cơ sở thu hút đầu tư theo quy định.

Công tác quản lý nhà nước về đất đai, khoáng sản, bảo vệ môi trường tiếp tục được tăng cường thực hiện. Trong 6 tháng đầu năm, UBND tỉnh đã điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của 04 huyện: Krông Pắc, M'Đrăk, Ea Kar và Krông Bông; 9 huyện còn lại đã hoàn thiện và gửi hồ sơ điều chỉnh quy hoạch

¹¹ Gồm: 1.068 doanh nghiệp và 52 chi nhánh của doanh nghiệp ngoài tỉnh.

¹² Đã phê duyệt danh sách các HTX nông nghiệp thực hiện hỗ trợ đưa lao động trẻ tốt nghiệp cao đẳng, đại học, sau đại học về làm việc trong năm 2025; ban hành Đề án tổ chức, sắp xếp lại Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã tỉnh; hỗ trợ các HTX, THT nâng cao chất lượng sản phẩm hàng hóa, tham gia trưng bày, giới thiệu sản phẩm tại các chương trình xúc tiến thương mại của địa phương

¹³ Bao gồm: Xã Ea Păl của huyện Ea Kar, xã Cư Pong và xã Ea Ngai của huyện Krông Búk, xã Ea Hiu của huyện Krông Pắc, xã Ea Kiết của huyện Cư M'gar, xã Ea H'leo của huyện Ea H'leo.

¹⁴ Hoà Phú, Hoà Khánh và Hoà Xuân của UBND thành phố Buôn Ma Thuột.

sử dụng đất đến năm 2030 về Sử Nông nghiệp và Môi trường để tổ chức thẩm định theo quy định¹⁵. Đối với kế hoạch sử dụng đất năm 2025, UBND tỉnh đã ban hành quyết định phê duyệt hồ sơ của 14 huyện, thị xã, thành phố¹⁶. Tiếp tục tham mưu xử lý các nội dung liên quan đến phương án sử dụng đất của các Công ty nông, lâm nghiệp, phương án sử dụng đất đối với diện tích đất có nguồn gốc thu hồi của các nông, lâm trường bàn giao cho địa phương quản lý. Ban hành Quyết định điều chỉnh bổ sung bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh để thực hiện hết 31/12/2025; đề xuất các vị trí bãi đổ thải tạm thời....để phục vụ công tác thi công cao tốc¹⁷.

Trong 6 tháng, đã thực hiện cấp 27/150 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) lần đầu cho tổ chức (đạt 18% KH), diện tích 15,74 ha; UBND cấp huyện cấp 397/7.500 GCNQSDĐ cho hộ gia đình, cá nhân (đạt 5,29%), diện tích 101,71 ha. Lũy kế đến nay, đã cấp GCNQSDĐ lần đầu được 1.023.823,58 ha/1.042.739 ha, đạt tỷ lệ 98,19% diện tích cần cấp (trong đó: cho tổ chức là 608.364,44 ha/609.475 ha, đạt 99,82%; cấp cho hộ gia đình, cá nhân 415.459,15 ha/433.264 ha, đạt 95,89%).

3.8. Công tác đối ngoại:

Tỉnh đã ký mới thỏa thuận hợp tác với tỉnh Attapeu, Salavan, Sekong (Lào); tổ chức đón tiếp chu đáo, trọng thị các đoàn địa phương nước ngoài đến thăm và chúc Tết lãnh đạo tỉnh nhân dịp Tết Nguyên đán năm 2025, 28 đoàn nước ngoài đến tham dự các hoạt động trong khuôn khổ Lễ hội Cà phê Buôn Ma Thuột lần 9 năm 2025, đoàn tỉnh Sekong (Lào) đến trao tặng Huân chương của nước CHDCND Lào cho tập thể và cá nhân tỉnh Đắk Lắk và ký Bản ghi nhớ hợp tác giai đoạn 2025 - 2030, đoàn chính quyền thành phố Nevers (Pháp) đến thăm và làm việc tại tỉnh trong khuôn khổ Bản ghi nhớ hợp tác giữa hai địa phương; tiếp tục triển khai hợp tác đưa lao động đi làm việc thời vụ tại các địa phương Hàn Quốc¹⁸; triển khai nhiều hoạt động giao lưu văn hóa, kết nối doanh nghiệp với địa phương các nước như: Hàn Quốc, Campuchia, Lào; hỗ trợ cộng đồng người Việt tại tỉnh Mondulkiri (Campuchia) và tỉnh Champask (Lào); tăng cường hợp tác với các tổ chức phi Chính phủ nước ngoài; tiếp tục quảng bá địa phương thông qua các cơ quan báo chí, hãng phim nước ngoài; phối hợp chặt chẽ với Ủy ban biên giới quốc gia và các lực lượng liên quan tại tỉnh triển khai công tác biên giới, phân giới cắm mốc; thực hiện tốt công tác lãnh sự, lễ tân trong việc đón tiếp các đoàn khách nước ngoài đến thăm và làm việc tại tỉnh; quản lý, theo dõi đoàn vào, đoàn ra chặt chẽ, đúng quy định¹⁹.

¹⁵ Hiện Sử Nông nghiệp và Môi trường đã tổ chức thẩm định hồ sơ của 05 huyện, gồm: Ea H'leo, Krông Năng, Krông Búk, Ea Súp, Cư Kuin (dự kiến trình UBND tỉnh trước ngày 15/6/2025); Đã ban hành văn bản lấy ý kiến các thành viên Hội đồng thẩm định đối với hồ sơ của 04 huyện, gồm: Lắk, Buôn Đôn, Cư M'gar, Krông Ana. Riêng Thành phố Buôn Ma Thuột và Thị xã Buôn Hồ không tổ chức lập điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 theo quy định tại khoản 4 Điều 66 Luật Đất đai.

¹⁶ Còn lại hồ sơ của huyện Lắk, Sử Nông nghiệp và Môi trường đã trình tại Tờ trình số 132/TTr-NNMT ngày 16/5/2025

¹⁷ Cấp Bản xác nhận đăng ký khai thác mỏ vật liệu phục vụ dự án cao tốc theo cơ chế đặc thù cho Công ty cổ phần xây dựng Tân Nam; Bản xác nhận đăng ký khai thác khoáng sản trong diện tích dự án xây dựng công trình cho Công ty cổ phần xây dựng Tân Nam, Công ty Cổ phần Xây dựng Đèo Cả, Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả, Công ty Cổ phần Quản lý và Xây dựng Đường bộ Khánh Hòa.

¹⁸ Gồm thành phố Iksan, tỉnh Jeonbuk, quận Uiseong, tỉnh Gyeongsangbuk, mở rộng sang quận Jindo, tỉnh Jeollanam.

¹⁹ Có 152 đoàn vào gồm 589 lượt người nước ngoài đến thăm, làm việc tại tỉnh, trong đó có 03 đoàn cơ quan đại

Về hợp tác trong nước: Tỉnh tiếp tục thực hiện các nội dung đã cam kết tại các Chương trình liên kết hợp tác với các tỉnh trong khu vực Tây Nguyên và vùng lân cận như: Chương trình hợp tác phát triển kinh tế - xã hội giữa 2 tỉnh Khánh Hòa và Đắk Lắk giai đoạn 2023-2025, định hướng đến năm 2030; hợp tác phát triển kinh tế - xã hội giữa Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh vùng Tây Nguyên,... Tổng kết Thỏa thuận hợp tác phát triển kinh tế - xã hội giữa Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh vùng Tây Nguyên năm 2024 và triển khai kế hoạch năm 2025.

4. Về việc thực hiện kế hoạch đầu tư công và các chương trình, dự án trọng điểm

4.1. Đối với kế hoạch đầu tư công năm 2025:

Tổng kế hoạch đầu tư công năm 2025 là 9.401,376 tỷ đồng (tăng 62% so năm 2024), trong đó giao thực hiện dự án cấp tỉnh quản lý 7.565,376 tỷ đồng, đến hết ngày 31/5/2025 đã phân bổ chi tiết đến từng danh mục dự án là 6.862 tỷ đồng, đạt 90,7% kế hoạch).

Đến ngày 31/5/2025, giải ngân đạt 1.739/6.862 tỷ đồng, đạt 25,3% KH. Nếu tính theo số vốn trung ương giao theo số liệu báo cáo của Bộ Tài chính đạt 28,2% KH, cao hơn trung bình chung cả nước 4,1% (Bình quân chung cả nước là 24,1%), đứng thứ 26/63 tỉnh, thành phố và đứng thứ 31/111 đơn vị được giao thực hiện kế hoạch đầu tư công, trong đó:

- Nguồn vốn ngân sách Trung ương: Đã giải ngân 1.289 /5.176 tỷ đồng, đạt 24,9% kế hoạch, gồm:

- + Vốn trong nước: Giải ngân 525,9/3.281 tỷ đồng, đạt 16% KH;

- + Nguồn vốn tăng thu tiết kiệm chi ngân sách Trung ương (Dự án thành phần 3 thuộc dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột giai đoạn 1): Đã giải ngân 546/1.001 tỷ đồng, đạt 55% KH;

- + Vốn ODA: Giải ngân 5,278/285,281 tỷ đồng, đạt 1,9% KH;

- + Vốn thực hiện các Chương trình MTQG: Đã giải ngân 211,766/640,997 tỷ đồng, đạt 34,8% kế hoạch.

- Nguồn vốn ngân sách địa phương: Đã giải ngân 450,179/1.686,148 tỷ đồng, đạt 25,5% kế hoạch.

4.2. Tình hình thực hiện Dự án đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột (Dự án thành phần 3): UBND tỉnh và các cơ quan, đơn vị, chủ đầu tư thường xuyên theo dõi, nắm tiến độ và kịp thời báo cáo các nội dung liên quan đến Dự án: Đường cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột giai đoạn 1, đề xuất giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình triển khai thực hiện.

Đến nay, đối với tuyến chính, tỉnh đã bàn giao thực hiện bồi thường được 100% chiều dài tuyến chính (48,09km); thực hiện bồi thường đạt 100% (332,98ha).

diện ngoại giao tại Việt Nam của các nước: Thụy Sĩ, Liên minh châu Âu; Australia, 05 đoàn chính quyền địa phương của các nước: Lào (03 đoàn), Campuchia (01 đoàn), Pháp (01 đoàn); 25 đoàn ra gồm 75 lượt người đi nước ngoài (trong đó có 02 đoàn cấp tỉnh đi Campuchia và Lào).

Song song đó, các nhà thầu tiếp tục tập trung thi công các hạng mục công trình theo kế hoạch, tổng giá trị khối lượng xây lắp khoảng 2.188,6/4.216 tỷ đồng đạt 51,91% giá trị hợp đồng.

Lũy kế kế hoạch vốn đã giao là 4.234/6.165 tỷ đồng (đạt 69% theo TMĐT), trong đó: Đã giao kế hoạch vốn năm 2023 cho dự án với 1.372 tỷ đồng, đã giải ngân đạt 99,7% kế hoạch; kế hoạch năm 2024 đã giao 900 tỷ đồng từ nguồn ngân sách Trung ương, đã giải ngân đạt 100% kế hoạch; kế hoạch vốn năm 2025 đã giao là 2.042 tỷ đồng, đến nay giải ngân 546/2.042 tỷ đồng, đạt 26,7% KH.

4.3. Về thực hiện chương trình xóa nhà tạm, nhà dột nát

Ngày 25/4/2025, HĐND tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐND quy định mức hỗ trợ từ nguồn ngân sách tỉnh để xóa nhà tạm, nhà dột nát trên địa bàn tỉnh năm 2025. Đồng thời, rà soát, điều chỉnh, bổ sung danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo có nhà tạm, nhà dột nát trên địa bàn tỉnh có nhu cầu sửa chữa, xây mới trong năm 2025 theo Quyết định số 74/QĐ-UBND ngày 14/01/2025 của UBND tỉnh.

Đến ngày 12/6/2025, toàn tỉnh đã triển khai hỗ trợ xây mới và sửa chữa được 4.737/7.294 căn, đạt tỷ lệ 64,94% KH, bao gồm: xây mới 3.893/5.891 căn, sửa chữa 844/1.403 căn, có 2.623 căn đã bàn giao đưa vào sử dụng, đạt tỷ lệ 35,96% KH. Trong đó, huyện Krông Pắc đã hoàn thành 400 căn (224 xây mới, 176 sửa chữa) và đã tổ chức tổng kết vào ngày 19/5/2025; hiện đang tiếp tục triển khai thực hiện 13/39 căn thay thế, bổ sung (37 căn xây mới và 02 căn sửa chữa).

5. Lĩnh vực văn hóa - xã hội

5.1. Về giáo dục và đào tạo:

Các cơ sở giáo dục duy trì việc tổ chức dạy, học nghiêm túc theo đúng thời gian, kế hoạch đề ra, hoàn thành kế hoạch học kỳ I và triển khai thực hiện kế hoạch, nhiệm vụ học kỳ II, năm học 2024-2025; tổ chức tuyển sinh lớp 10 năm học 2025-2026 và triển khai các nhiệm vụ chuẩn bị cho năm học mới. Tiếp tục duy trì thực hiện tốt Chương trình GDPT 2018, nâng cao chất lượng dạy và học. Giáo dục STEM đã có bước chuyển biến mạnh mẽ; chất lượng giáo dục mũi nhọn của tỉnh đã có bước tiến nhảy vọt, đội tuyển dự thi học sinh giỏi THPT quốc gia năm học 2024-2025 của tỉnh đạt 72 giải²⁰, đây là kết quả cao nhất của tỉnh từ trước tới nay. Cơ sở vật chất, trang thiết bị cho công tác giáo dục, đào tạo được quan tâm đầu tư, nguồn lực từ xã hội hoá được đẩy mạnh. Tỷ lệ trường học đạt chuẩn quốc gia đạt 62,1%, tỷ lệ phòng học kiên cố đạt 87,9%.

5.2. Về văn hóa, thể thao và thông tin, truyền thông:

Các hoạt động văn hóa, thể thao và du lịch tiếp tục phát triển mạnh. Công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực văn hóa được triển khai đầy đủ; hoạt động tuyên truyền kỷ niệm các ngày lễ lớn, sự kiện lịch sử quan trọng của đất nước, của tỉnh được tổ chức hiệu quả. Công tác quản lý và tổ chức lễ hội ở địa phương tuân thủ quy định, đảm bảo các điều kiện về không gian, thời gian, địa điểm, vui tươi, an toàn, tiết kiệm, hiệu quả, thực hiện nếp sống văn minh trong lễ hội, góp phần bảo

²⁰ Trong đó có 02 giải nhất, 13 giải nhì, 18 giải ba, 39 giải khuyến khích.

tôn và phát huy di sản văn hóa dân tộc. Các hoạt động vui xuân, đón Tết Nguyên đán, chào mừng các ngày lễ lớn được tổ chức rộng khắp từ tỉnh đến cơ sở. Đặc biệt, trong 6 tháng đầu năm, tỉnh đã tổ chức thành công các hoạt động Kỷ niệm 50 năm Chiến thắng Buôn Ma Thuột, giải phóng tỉnh Đắk Lắk, Lễ hội Cà phê Buôn Ma Thuột lần thứ 9 năm 2025, các sự kiện kỷ niệm 50 năm Ngày Giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước,... với nhiều hoạt động sôi nổi đầy ý nghĩa²¹, thu hút lượng lớn khách du lịch đến với tỉnh. Vừa qua, tỉnh đã tổ chức Lễ Công bố Buôn du lịch cộng đồng buôn Tuôr, xã Hòa Phú, Tp. Buôn Ma Thuột và buôn Kli A, phường Đát Hiếu, thị xã Buôn Hồ; phát động Chương trình kích cầu du lịch năm 2025 “Người Đắk Lắk đi du lịch Đắk Lắk”, “Người Việt Nam đi du lịch Đắk Lắk”. Tổ chức thành công Ngày Sách và Văn hóa đọc Việt Nam lần thứ Tư năm 2025 và Hội thảo nhân dịp Ngày Báo chí Việt Nam, Lễ kỷ niệm 100 năm Ngày Báo chí cách mạng Việt Nam.

Các hoạt động thể dục thể thao được tổ chức ở nhiều địa phương trong tỉnh; đăng cai và phối hợp tổ chức thành công nhiều giải thể thao cấp tỉnh, khu vực, quốc gia²². Phong trào thể dục, thể thao quần chúng và thể dục thể thao thành tích cao tiếp tục được tỉnh quan tâm phát triển²³.

5.3. Về y tế, an sinh xã hội và chăm sóc sức khỏe nhân dân:

Ngành y tế tiếp tục chỉ đạo nâng cao chất lượng khám chữa bệnh và tăng cường đầu tư trang thiết bị, giáo dục về y đức, củng cố nhân lực, nâng cao kỹ năng giao tiếp, giáo dục sức khỏe và chăm sóc bệnh nhân. Đổi mới phong cách, thái độ phục vụ của cán bộ y tế hướng tới sự hài lòng của người bệnh. Tăng cường luân phiên cán bộ y tế, đào tạo cán bộ tại chỗ, từng bước đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh cho người dân tại cơ sở; tăng cường phối hợp chuyên môn với các bệnh viện tuyến trên để hỗ trợ, chuyển giao kỹ thuật.

Các cơ sở y tế trên địa bàn duy trì tốt công tác khám, chữa bệnh cho người dân. Trong 6 tháng đầu năm 2025, đã khám 1,6 triệu lượt, điều trị nội trú cho 188 nghìn lượt, điều trị ngoại trú cho 40 nghìn lượt. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng (cân nặng theo độ tuổi) giảm còn 17,4%; số giường bệnh đạt 28,5 giường/vạn dân; số bác sỹ đạt 7,7 bác sỹ/vạn dân. Các hoạt động y tế dự phòng được tập trung triển khai thực hiện, cơ bản kiểm soát tốt các dịch bệnh truyền nhiễm trên địa bàn²⁴.

²¹ Như: Tổ chức thành công Triển lãm “Đắk Lắk - 50 năm xây dựng và phát triển”; Hội chợ triển lãm ngành Cà phê và sản phẩm OCOP; Lễ hội đường phố; Hội thi Nhà nông đua tài; Lễ hội ánh sáng và đặc biệt là chương trình văn nghệ giao lưu với Đoàn nghệ thuật của tỉnh tự trị đặc biệt Jeonbuk – Hàn Quốc...

²² Đăng cai tổ chức thành công các trận đấu trên sân nhà trong khuôn khổ Giải bóng đá hạng nhì quốc gia năm 2025; phối hợp tổ chức các giải toàn quốc như: Giải xe đạp toàn quốc tranh Cúp Truyền hình Thành phố Hồ Chí Minh lần thứ 37 năm 2025 - Non sông liền một dải; Giải vô địch Thanh thiếu niên môn Cờ vua Quốc gia; Giải vô địch Boxing các đội mạnh Quốc gia; Vòng loại bóng đá U11, U13 Quốc gia; phối hợp với Sở Dân tộc và Tôn giáo tổ chức thành công Hội thi Thể thao các Dân tộc thiểu số tỉnh Đắk Lắk lần thứ XXI, năm 2025,...

²³ Tổng số VĐV được tập trung đào tạo, huấn luyện và thi đấu là 390 vận động viên. Trong đó, Tuyển tuyển: 96 VĐV, Tuyển trẻ: 78 VĐV, Tuyển năng khiếu: 189 VĐV; Tập trung thời vụ: 27 VĐV (môn Đẩy gậy và Kéo co). Đăng ký tham gia thi đấu 29 giải thể thao, đạt 81 huy chương các loại (19 huy chương vàng, 21 huy chương bạc, 41 huy chương đồng), một số môn vượt chỉ tiêu huy chương đề ra.

²⁴ Toàn tỉnh ghi nhận 41 ca Covid-19, rải rác tại 15/15 huyện, thị xã, thành phố; 246 ca sốt xuất huyết; 368 ca bệnh sởi; 516 trường hợp tay chân miệng; có 04 trường hợp mắc bệnh Đại và tử vong.

Các chế độ, chính sách cho người có công²⁵, bảo trợ xã hội, trẻ em, bình đẳng giới, vì sự tiến bộ của phụ nữ, phòng chống tệ nạn xã hội được triển khai đầy đủ, kịp thời. Chương trình xóa nhà tạm, nhà dột nát cho các hộ nghèo, hộ cận nghèo, giảm nghèo bền vững, an sinh xã hội được tập trung thực hiện.

*** Công tác bảo hiểm:** Lũy kế số người tham gia BHXH, BHYT, BHTN là 1.738 nghìn người, đạt 96,66% KH; tổng số tiền thu là 2.818,7 tỷ đồng; tổng số tiền chi là 3.456,2 tỷ đồng; tổng số tiền nợ BHXH, BHYT, BHTN là 220 tỷ đồng. Tỷ lệ bao phủ BHYT ước đạt 91,82% (KH: 95%). Trong 6 tháng đầu năm, toàn tỉnh giải quyết cho khoảng 27,4 nghìn lượt người hưởng chế độ BHXH.

5.4. Về lao động, việc làm:

Công tác quản lý nhà nước về lao động, việc làm được triển khai đầy đủ, kịp thời; các nhiệm vụ, giải pháp cải cách chính sách BHXH, phát triển đối tượng tham gia trên địa bàn tỉnh, công tác quản lý nhà nước về cho thuê lại lao động được tăng cường thực hiện. Ước 6 tháng đầu năm 2025, số người tham gia BHXH là 140.650 người, đạt 92,03% kế hoạch; số người tham gia BHTN là 106.512 người, đạt 98,01% kế hoạch.

Các hoạt động hỗ trợ giải quyết việc làm, xuất khẩu lao động được đẩy mạnh. Ước tính 06 tháng đầu năm 2025, toàn tỉnh giải quyết việc làm cho khoảng 16,3 nghìn người, đạt 53,79% KH; xuất khẩu lao động là 950 người (trong đó có 216 người lao động của huyện Ea Súp đi làm việc thời vụ trong lĩnh vực nông nghiệp tại Hàn Quốc).

Trung tâm dịch vụ việc làm tỉnh đã tổ chức, phối hợp tổ chức 17 Phiên giao dịch việc làm và tư vấn việc làm, nghề nghiệp, xuất khẩu lao động và các chế độ chính sách cho 21.400 lượt người. Đã thu thập thông tin nhu cầu tuyển dụng lao động của các doanh nghiệp, cơ sở kinh doanh, hộ gia đình là 1.530 lượt đơn vị²⁶. Bên cạnh đó, đã tư vấn học nghề cho 6.200 lượt người lao động hưởng trợ cấp thất nghiệp, trong đó có 330 người có quyết định hỗ trợ học nghề với số tiền chi trả hỗ trợ khoảng 1,9 tỷ đồng.

5.5. Về khoa học và công nghệ và chuyển đổi số

Công tác quản lý nhà nước về KH&CN được triển khai thực hiện đúng kế hoạch và quy trình²⁷; các hoạt động nghiên cứu, chuyển giao và ứng dụng các nhiệm vụ KH&CN được triển khai tích cực. Tỉnh đang tập trung tổ chức triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia trên địa bàn tỉnh. Các hoạt động nghiên cứu, chuyển giao và ứng dụng các nhiệm vụ KH&CN được triển khai tích cực. Tiếp tục theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc và phối hợp quản lý 02 đề tài/dự án cấp quốc gia, 04 nhiệm vụ thuộc Chương trình Nông thôn mới; quản

²⁵ Đã thăm, tặng quà cho các đối tượng chính sách người có công nhân dịp Tết Nguyên đán với tổng kinh phí 15,3 tỷ đồng. Tặng quà của Chủ tịch nước cho người có công với cách mạng nhân kỷ niệm 50 năm Ngày giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước và 80 năm Ngày Quốc khánh nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam cho 12.923 người, với tổng kinh phí gần 6,5 tỷ đồng.

²⁶ trong đó số đơn vị có nhu cầu tuyển dụng là: 770 lượt, với tổng nhu cầu tuyển dụng là 19.050 lượt người.

²⁷ Tổ chức thẩm định và cấp 06 giấy phép tiến hành công việc bức xạ (03 cấp mới, 01 sửa đổi), 10 chứng chỉ nhân viên bức xạ. Tư vấn, hỗ trợ 10 cá nhân bảo hộ 08 nhãn hiệu, 01 kiểu dáng công nghiệp, 01 sáng chế bơm chìm.

lý 33 đề tài/dự án KH&CN cấp tỉnh chuyển tiếp sang tiếp tục thực hiện năm 2025.

Công tác phát triển kinh tế số, xã hội số được quan tâm chú trọng thực hiện, đạt được nhiều kết quả tích cực. Tỉnh đã thực hiện kết nối, tích hợp dữ liệu giữa Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Đắk Lắk (Hệ thống iGate) với phần mềm hộ tịch, lý lịch tư pháp; kết nối, tích hợp dữ liệu giữa Hệ thống iGate với ứng dụng Vneid để thực hiện cấp phiếu lý lịch tư pháp trên ứng dụng; Thực hiện đồng bộ dữ liệu giữa Cổng dịch vụ công của tỉnh với Cổng dịch vụ công quốc gia nhằm phục vụ đánh giá Bộ chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp. Triển khai đánh giá việc thực hiện Đề án Thí điểm thực hiện cơ chế giao doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích đảm nhận một số công việc trong quá trình hướng dẫn, tiếp nhận, số hóa hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC trên địa bàn tỉnh.

5.6. Công tác dân tộc và tôn giáo:

Công tác dân tộc tiếp tục được sự quan tâm, chỉ đạo của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh; sự phối hợp chặt chẽ giữa các sở, ban ngành, địa phương; sự cố gắng nỗ lực của cả hệ thống cơ quan công tác dân tộc, điều này đã góp phần quan trọng trong việc ổn định kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh chính trị, giữ gìn trật tự an toàn xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, khối đại đoàn kết các dân tộc ngày càng được tăng cường, đồng bào các dân tộc tin tưởng và chấp hành tốt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước. Công tác tham mưu triển khai thực hiện Chương trình MTQG 1719, chế độ chính sách đối với người có uy tín được tập trung thực hiện²⁸.

Tình hình sinh hoạt, hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo trên địa bàn tỉnh tương đối ổn định, công tác quản lý nhà nước chặt chẽ; xây dựng mối quan hệ tốt giữa chính quyền với chức sắc, tín đồ các tôn giáo.

6. Lĩnh vực nội chính

6.1. Công tác nội vụ và cải cách hành chính

Tỉnh tập trung thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy theo chỉ đạo của Thường trực Ban Chỉ đạo tổng kết và tiếp tục thực hiện Nghị quyết 18-NQ/TW trên địa bàn tỉnh; tổ chức triển khai Đề án sắp xếp, hợp nhất, tổ chức lại các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh theo quy định; thực hiện các nội dung liên quan đến tổ chức mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, hợp nhất tỉnh Đắk Lắk và tỉnh Phú Yên; triển khai thực hiện chính sách, chế độ đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 của Chính phủ. Thực hiện các nhiệm vụ về công tác cán bộ, chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức. Báo cáo Ban cán sự Đảng UBND tỉnh về việc đánh giá, xếp loại tập thể, cá nhân lãnh đạo, quản lý các cơ quan, đơn vị; UBND các huyện, thị xã, thành phố năm 2024; kiện toàn các Ban Chỉ đạo, Tổ công tác liên ngành.

²⁸ Kế hoạch vốn đã được phân bổ để thực hiện năm 2025 là: 1.321.314 triệu đồng (vốn đầu tư phát triển: 682.646 triệu đồng; vốn sự nghiệp: 638.668 triệu đồng), trong đó:

+ Vốn chuyển nguồn năm 2022, 2023, 2024 chuyển nguồn sang năm 2025 là 595.927 triệu đồng;

+ Vốn giao năm 2025 là 725.387 triệu đồng.

Số vốn thực hiện và giải ngân (lũy kế từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/4/2025) là 198.037 triệu đồng đạt 15,3% kế hoạch, trong đó vốn đầu tư 133.128 triệu đồng, vốn sự nghiệp 64.909 triệu đồng (Ngân sách trung ương là 177.500 triệu đồng; Ngân sách tỉnh là 20.537 triệu đồng).

Hoạt động tôn giáo cơ bản ổn định, tuân thủ quy định của pháp luật. Công tác xây dựng chính quyền, địa giới hành chính, đào tạo bồi dưỡng và công tác khen thưởng các tập thể, cá nhân được thực hiện kịp thời, đúng quy định.

Về công tác cải cách hành chính: Ngay từ đầu năm, UBND tỉnh đã ban hành các Kế hoạch, văn bản chỉ đạo, điều hành công tác CCHC năm 2025 với nhiệm vụ trọng tâm *“Tập trung nguồn lực cải cách hành chính nhà nước, xây dựng nền hành chính dân chủ, chuyên nghiệp, hiệu lực, hiệu quả; chú trọng đẩy mạnh thực hiện chuyển đổi số, số hóa làm giàu dữ liệu và khai thác, sử dụng hiệu quả dữ liệu về dân cư; phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ, mục tiêu, chỉ tiêu về cải cách hành chính tại Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Đắk Lắk lần thứ XVII đã đề ra”*; ban hành kế hoạch, hướng dẫn tổ chức sơ kết 5 năm thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính giai đoạn 2021 – 2030. Công bố Chỉ số cải cách hành chính năm 2024 cấp huyện và phân tích, đánh giá kết quả các chỉ số CCHC năm 2024. Mặc dù đã có nhiều nỗ lực trong đổi mới công tác chỉ đạo điều hành nhưng đánh giá của người dân, doanh nghiệp về công tác cải cách hành chính, cải thiện môi trường kinh doanh, sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước chưa được cải thiện²⁹.

Công tác thanh tra, kiểm tra CCHC được tăng cường, đổi mới hình thức, nội dung kiểm tra, tăng cường kiểm tra đột xuất đảm bảo tỷ lệ theo quy định. Công tác thông tin, tuyên truyền CCHC được quan tâm, chú trọng: ban hành Kế hoạch và triển khai thực hiện Chương trình *“Dân hỏi - Thủ trưởng Cơ quan hành chính trả lời”* phát trên sóng Đài Phát thanh và Truyền hình Đắk Lắk và Báo Đắk Lắk năm 2025, đến nay đã phát sóng 05 chương trình trực tiếp theo Kế hoạch; duy trì, thay mới các cụm panô tuyên truyền CCHC lắp đặt trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột...

Về công tác triển khai Đề án số 06 của Chính phủ: UBND tỉnh đã tích cực chỉ đạo các cơ quan, đơn vị có liên quan phối hợp chặt chẽ với Công an tỉnh tổ chức triển khai thực hiện tốt các nhiệm vụ của Đề án 06, việc phát triển ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử đạt được nhiều kết quả nổi bật.

6.2. Công tác tư pháp:

Các nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp và các kế hoạch chuyên đề trong các lĩnh vực công tác tư pháp năm 2025 được triển khai thực hiện kịp thời, đồng bộ, bước đầu đã đạt nhiều kết quả tích cực. Trong 6 tháng đầu năm, Sở Tư pháp đã thẩm định đối với 36 dự thảo văn bản QPPL của UBND, HĐND tỉnh; tự kiểm tra 22 văn bản, cập nhật 28 văn bản trên cơ sở dữ liệu văn bản QPPL. Công tác quản lý xử lý vi phạm hành chính và phổ biến giáo dục pháp luật đã tiếp tục được quan tâm triển khai thực hiện³⁰; thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực. Hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực hỗ trợ tư pháp tiếp tục được tăng cường; công tác trợ giúp pháp lý đã chú trọng vào các vụ

²⁹ Chỉ số CCHC : đạt 86,15%, xếp hạng 53/63 tỉnh, thành phố, giảm 1,18%, tụt 25 bậc so với năm 2023; Chỉ số SIPAS: đạt 80,61%, xếp hạng 58/63 tỉnh, thành phố, giảm 0,88%, tụt 19 bậc so với năm 2023; Chỉ số PAPI: đạt 43,0102 điểm, xếp hạng 39/63 tỉnh, thành phố, tăng 0,6837 điểm.

³⁰ 6 tháng đầu năm đã phát hành 1.500 cuốn Bản tin Tư pháp.

việc tố tụng³¹. Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản đã tổ chức đấu giá thành 135 cuộc với tổng giá khởi điểm của tài sản đấu giá: 704.397.736.607 đồng, giá bán: 732.305.854.075 đồng (*chênh lệch 27.908.117.468 đồng so với giá khởi điểm*).

6.3. Công tác thanh tra, tiếp công dân và giải quyết khiếu nại tố cáo:

Thanh tra các cấp, các ngành đã bám sát kế hoạch thanh tra năm 2025 của tỉnh được Chủ tịch UBND tỉnh ban hành để tổ chức triển khai thực hiện; tăng cường công tác theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện các kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra. Trong 6 tháng đầu năm 2025, các cấp, các ngành trong tỉnh đã triển khai 82 cuộc thanh tra hành chính và 59 cuộc thanh tra, kiểm tra chuyên ngành³². Công tác tiếp công dân, tiếp nhận, xử lý đơn thư và giải quyết khiếu nại, tố cáo được thực hiện đúng trình tự, thủ tục quy định³³. Công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí được các cấp, các ngành lãnh đạo, chỉ đạo và triển khai thực hiện nghiêm túc. Bên cạnh đó, công tác lãnh đạo, chỉ đạo giải quyết các vụ tranh chấp khiếu kiện kéo dài được tỉnh quan tâm thực hiện; kịp thời kiện toàn Ban Chỉ đạo giải quyết các vụ việc khiếu kiện đông người, phức tạp, kéo dài và tập trung giải quyết dứt điểm 5 vụ việc xảy ra trên địa bàn tỉnh theo Quyết định số 44/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

7. Về quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội

Cấp ủy, chính quyền và lực lượng vũ trang các cấp trong tỉnh đã chủ động nắm tình hình, phòng ngừa, đấu tranh có hiệu quả với các đối tượng phản động, chống đối. Các lực lượng vũ trang thường xuyên tuần tra, bám sát địa bàn, nhất là tuyến biên giới và các địa bàn trọng điểm về an ninh, trật tự. Tổ chức Lễ giao, nhận quân năm 2025 đúng kế hoạch, đảm bảo an toàn, tuyển quân đạt 100% chỉ tiêu kế hoạch với 2.553 công dân, trong đó có 3 công dân nữ.

Tập trung triển khai thực hiện nghiêm túc chỉ đạo của Trung ương, của Tỉnh về công tác đảm bảo trật tự an toàn giao thông, đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội tại các sự kiện chính trị, Tết Nguyên đán Ất Tỵ năm 2025, Kỷ niệm 50 năm chiến thắng Buôn Ma Thuột, giải phóng tỉnh Đắk Lắk và Lễ hội Cà phê Buôn Ma Thuột lần thứ 9 năm 2025,... Nhìn chung, tình hình an ninh trên các lĩnh vực cơ bản được đảm bảo. Tuy nhiên, tai nạn giao thông trong 6 tháng đầu năm tăng 1 tiêu chí so với cùng kỳ năm trước. Việc tiếp nhận thủ tục cấp Phiếu Lý lịch tư pháp từ Sở Tư pháp đã được thực hiện kịp thời, trong 6 tháng đã giải quyết 4.761 trường hợp yêu cầu cấp Phiếu LLTP của người dân.

8. Đánh giá chung

³¹ Trung tâm TGPL nhà nước tỉnh đã thụ lý 104 vụ việc (trong đó, Trợ giúp viên pháp lý thực hiện 98 vụ việc, Luật sư ký hợp đồng thực hiện 06 vụ việc).

³² Qua thanh tra, kiểm tra phát hiện sai phạm về kinh tế với tổng số tiền 131,67 tỷ đồng; sai phạm về đất đai 616,4 ha; kiến nghị thu hồi nợ ngân sách nhà nước 128,2 tỷ đồng, kiến nghị xử phạt vi phạm hành chính 0,77 tỷ đồng; kiến nghị xử lý khác 2,61 tỷ đồng; kiến nghị xử lý khác 616,4 ha đất các loại; kiến nghị xử lý hành chính đối với 04 tổ chức và 04 cá nhân. Đã thu hồi nợ ngân sách nhà nước 4,12 tỷ đồng, do các quyết định thu hồi mới ban hành nên các đơn vị chưa nộp vào ngân sách nhà nước, đã xử lý khác về kinh tế 0,61 tỷ đồng đồng, đã tiến hành xử lý hành chính đối với 04 tổ chức và 02 cá nhân.

³³ Các cấp, các ngành trong tỉnh tiếp 849 lượt công dân đến khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh với 747 vụ việc. Đã tiếp nhận là 1.158 đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh. Tổng số đơn phải xử lý: 1.274 đơn (Số đơn từ kỳ trước chuyển sang là 116 đơn và đơn tiếp nhận mới là 1.158 đơn). Số đơn đủ điều kiện xử lý: 965 đơn/957 vụ việc.

Trong 6 tháng đầu năm, tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh tiếp tục duy trì phát triển, tăng trưởng kịch tế đạt kịch bản, kế hoạch đề ra; hầu hết các chỉ tiêu đều có mức tăng trưởng khá. Sản xuất vụ Đông - Xuân vượt kế hoạch đề ra; sản lượng các sản phẩm công nghiệp chủ yếu, huy động vốn đầu tư toàn xã hội, tổng mức bán lẻ hàng hóa, tổng kim ngạch xuất khẩu, tổng thu NSNN tiếp tục tăng so với cùng kỳ năm 2024. Dịch bệnh trên người, cây trồng, vật nuôi được kiểm soát, cơ bản ổn định. Nhiều sự kiện văn hóa, lễ hội, thể thao diễn ra sôi nổi, đặc biệt là tỉnh đã tổ chức thành công Lễ hội Cà phê Buôn Ma Thuột lần thứ 9 năm 2025 và Kỷ niệm 50 năm Chiến thắng Buôn Ma Thuột, giải phóng tỉnh Đắk Lắk, góp phần thu hút lượng lớn khách du lịch đến với tỉnh và thúc đẩy các ngành dịch vụ phát triển. Số lượng DN thành lập mới tiếp tục tăng cao so với cùng kỳ năm trước; tình hình thu hút đầu tư có nhiều khởi sắc, có nhiều nhà đầu tư đến tìm hiểu đầu tư trên địa bàn tỉnh.

Bên cạnh đó, công tác an sinh xã hội, chăm sóc người có công, giảm nghèo, thực hiện chương trình xóa nhà tạm, nhà dột nát tiếp tục được quan tâm, triển khai kịp thời. Quản lý đất đai, tài nguyên, môi trường và cải cách hành chính được tích cực thực hiện. Quốc phòng được tăng cường; chủ quyền, lãnh thổ, an ninh biên giới được giữ vững.

Bên cạnh những kết quả đạt được, tình hình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong 6 tháng đầu năm vẫn còn một số tồn tại, hạn chế, đó là:

Tình hình sản xuất kinh doanh các ngành nông nghiệp và xây dựng chưa đạt kỳ vọng do chưa có nhiều sản phẩm mới, kinh tế nông nghiệp vẫn là chủ đạo, khó tạo được sự bứt phá trong thời gian ngắn, tăng trưởng các khu vực động lực truyền thống chưa có nhiều đột phá. Trong đó:

- Về đầu tư xây dựng: Chỉ tiêu xây dựng nhà ở xã hội trong năm 2025 dự báo không đạt kế hoạch đề ra (số lượng căn nhà ở xã hội xây dựng trong 6 tháng dự kiến chỉ đạt 8,61% KH) có thể sẽ ảnh hưởng đến mục tiêu tăng trưởng lĩnh vực xây dựng. Xét về giá trị giải ngân vốn đầu tư công 05 tháng đầu năm 2025 tăng khoảng 38% so với cùng kỳ năm 2024 (420 tỷ đồng), tuy nhiên so với KH vốn năm 2025 mới chỉ đạt 22,2% KH. Việc triển khai một số nhiệm vụ để đẩy nhanh tiến độ đầu tư các dự án trọng điểm, động lực tăng trưởng như Khu công nghiệp Phú Xuân, Dự án đường Hồ Chí Minh đoạn tránh phía Đông Tp BMT, Dự án cải tạo, nâng cấp Tỉnh lộ 1, Hồ thủy lợi Ea Tam ... còn gặp nhiều khó khăn, chậm tiến độ so với yêu cầu đề ra.

- Hoạt động sản xuất kinh doanh của DN chưa có nhiều khởi sắc, số lượng doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động tăng cao so với cùng kỳ năm 2024. Tình hình thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường, các động lực tăng trưởng mới chưa thật sự rõ nét, việc chuẩn bị nguồn lực bên trong để thúc đẩy và làm mới các động lực tăng trưởng đầu tư, tiêu dùng, xuất khẩu, phát triển các động lực mới ngày càng khó khăn.

- Việc thực hiện các dự án xây dựng hệ thống hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai gặp nhiều khó khăn, tiến độ chậm ảnh hưởng đến công tác hoàn thiện kê khai đăng ký cấp Giấy chứng nhận tại các Chi nhánh (hồ sơ cấp Giấy chứng nhận

lần đầu và cấp đổi Giấy chứng nhận theo hệ thống bản đồ mới). Công tác chỉnh lý biến động hồ sơ địa chính dạng giấy chưa kịp thời và chưa đầy đủ.

- Việc kêu gọi, thu hút đầu tư vào lĩnh vực du lịch của tỉnh gặp nhiều khó khăn, trong khi các doanh nghiệp trong tỉnh chủ yếu là các DNNVV, tiềm lực tài chính hạn chế; sản phẩm du lịch chất lượng chưa cao, chưa thật sự hấp dẫn để thu hút khách, việc phối hợp triển khai một số nội dung với các huyện, thị xã, thành phố trong thời điểm vừa qua đạt kết quả chưa cao, đặc biệt trong công tác phong trào và các hoạt động gắn với cơ sở do việc sắp xếp nhân sự và tinh gọn bộ máy các cơ quan, đơn vị.

- Hiện nay, nhu cầu nguồn lực đầu tư phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số là rất lớn, tuy nhiên việc huy động các nguồn lực khác ngoài ngân sách nhà nước trong thời gian qua còn hạn chế, chưa đáp ứng được nhu cầu thực tế. Tỷ lệ hộ nghèo trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số ở một số địa phương còn cao, chủ yếu tập trung ở các xã, thôn đặc biệt khó khăn; mức độ thiếu hụt tiếp cận một số dịch vụ xã hội cơ bản như nhà ở, nước sạch và vệ sinh còn cao. Quỹ đất của một số địa phương để giải quyết đất ở, đất sản xuất cho người dân còn hạn chế; định mức hỗ trợ theo quy định để thực hiện hỗ trợ đất ở, đất sản xuất rất thấp so với chi phí thực tế.

II. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM 6 THÁNG CUỐI NĂM 2025

Trong thời gian tới, dự báo tình hình thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường, có những thay đổi mang tính bước ngoặt trong quan hệ ngoại giao, kinh tế giữa các nước lớn, đối tác thương mại, đầu tư quan trọng; nhiều thách thức ảnh hưởng tới tăng trưởng kinh tế đang gia tăng, nhất là những tác động từ bên ngoài; các động lực tăng trưởng chưa thật sự có bút tốc rõ nét; việc chuẩn bị nguồn lực bên trong để thúc đẩy và làm mới các động lực tăng trưởng đầu tư, tiêu dùng, xuất khẩu, phát triển các động lực mới ngày càng khó khăn. Bên cạnh đó, khối lượng công việc phát sinh phục vụ nhiệm vụ sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, cấp xã, xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương hai cấp rất lớn, thời gian yêu cầu rất gấp (*tỉnh mới, xã mới chính thức đi vào hoạt động từ ngày 01/7/2025*), đòi hỏi các cấp, các ngành, các địa phương cần phải nỗ lực, khẩn trương, quyết liệt và đổi mới hơn nữa trong triển khai công việc thì mới có khả năng hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch, nhiệm vụ năm 2025, góp phần hoàn thành mục tiêu về phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025 của tỉnh, đảm bảo mục tiêu tăng trưởng năm 2025 đạt 8% trở lên, tạo tiền đề cho tăng trưởng hai con số giai đoạn tiếp theo.

Các sở, ngành, địa phương và các đơn vị có liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ, lĩnh vực được giao phụ trách tập trung tổ chức triển khai có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu về phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh năm 2025 tại các Chương trình, Nghị quyết của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh, trong đó tập trung thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp như sau:

1. Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện có hiệu quả các Chương trình, Đề án, Nghị quyết, Kết luận của Trung ương, của Tỉnh

1.1. Tập trung thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, cấp xã, xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương hai cấp,

sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy theo các chương trình, kế hoạch của Trung ương và của địa phương.

1.2. Triển khai kịp thời các nhiệm vụ liên quan đến công tác tổ chức Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVIII theo phân công của Tỉnh ủy.

1.3. Khẩn trương tham mưu, triển khai kịp thời các hướng dẫn phục vụ chuyển sang mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, không để gián đoạn, thất thoát, đặc biệt là các nội dung hướng dẫn liên quan đến việc quản lý tài sản công, quản lý ngân sách nhà nước, đầu tư công,...

1.4. Khẩn trương rà soát, tham mưu trình Kỳ họp thứ nhất HĐND tỉnh sau sắp xếp thông qua Nghị quyết về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và ngân sách địa phương 6 tháng cuối năm 2025 của tỉnh Đắk Lắk. Kịp thời cập nhật, hợp nhất các chương trình, kế hoạch triển khai thực hiện nhiệm vụ năm 2025, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh, kế hoạch đầu tư công năm 2025,... của tỉnh Đắk Lắk (mới) làm cơ sở để triển khai thực hiện, đảm bảo mục tiêu tăng trưởng chung năm 2025 đạt 8% trở lên.

Triển khai quyết liệt các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm, đột phá thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, tăng thu ngân sách nhà nước, đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công, bảo đảm mục tiêu tăng trưởng năm 2025 của tỉnh đạt 8% trở lên và thu ngân sách nhà nước tăng trên 10% so với năm 2024. Trọng tâm là phải tháo gỡ ngay những khó khăn, vướng mắc để các dự án đầu tư ngoài ngân sách hoàn thiện thủ tục đầu tư, triển khai thực hiện và sớm đưa vào sử dụng, vận hành, đóng góp cho tăng trưởng kinh tế của tỉnh.

1.5. Tập trung rà soát, hoàn thiện hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật để đảm bảo sau sắp xếp đơn vị hành chính, tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp đi vào hoạt động thông suốt, không gián đoạn, không có khoảng trống pháp lý.

Chủ động triển khai thực hiện các chủ trương, các chính sách mới đã có hiệu lực thi hành và tiếp tục rà soát các quy định của pháp luật không còn phù hợp với các Luật mới, quy định mới ban hành để kịp thời tham mưu điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tế.

Tăng cường năng lực phân tích, dự báo, nắm tình hình, có phản ứng chính sách kịp thời, phù hợp, hiệu quả với các vấn đề mới phát sinh. Chú trọng tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ, sớm triển khai các dự án lớn, dự án khởi công mới có dư địa tăng trưởng cao. Bên cạnh đó, rà soát, ưu tiên giải quyết, tháo gỡ các nguồn lực có nguy cơ lãng phí.

1.6. Tiếp tục triển khai thực hiện các Nghị quyết, Kết luận của Trung ương về xây dựng và phát triển thành phố Buôn Ma Thuột, Nghị quyết của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Buôn Ma Thuột tỉnh Đắk Lắk tại các xã, phường mới được thành lập tương ứng.

1.7. Tổ chức thực hiện hiệu quả Quy hoạch tỉnh, Kế hoạch thực hiện Điều chỉnh Quy hoạch điện VIII và triển khai thực hiện Quyết định số 768/QĐ-TTg ngày 15/4/2025 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch điện VIII.

Chuẩn bị các điều kiện cần thiết để điều chỉnh Quy hoạch tỉnh theo quy định tại Điều 53 Luật Quy hoạch và chỉ đạo các sở, ngành, địa phương rà soát, điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh để phù hợp với các quy hoạch cấp cao hơn và các quy định hiện hành.

1.8. Chuẩn bị tốt các nội dung phục vụ các Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh và các nội dung đề trình Kỳ họp lần thứ nhất của tỉnh mới, các kỳ họp chuyên đề trong năm 2025.

2. Về phát triển kinh tế

2.1. Tiếp tục thực hiện tái cơ cấu kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng. Làm mới, phát huy hiệu quả các động lực tăng trưởng truyền thống, quyết tâm tháo gỡ các “điểm nghẽn, lực cản” để thúc đẩy phát triển KTXH, nhất là những lĩnh vực còn dư địa tăng trưởng.

2.2. Đẩy mạnh tái cơ cấu ngành nông nghiệp, thúc đẩy chuyển dịch mạnh mẽ từ sản xuất nông nghiệp sang kinh tế nông nghiệp. Xây dựng thương hiệu sản phẩm nông nghiệp, triển khai sản xuất theo tiêu chuẩn chất lượng, có nhãn hiệu, xuất sứ hàng hóa, chỉ dẫn địa lý, truy xuất nguồn gốc; tiếp tục triển khai hiệu quả chương trình OCOP, chương trình xây dựng nông thôn mới. Phát triển ngành chăn nuôi theo hướng trang trại, hiện đại, bền vững, an toàn dịch bệnh. Tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả các nội dung, nhiệm vụ chuyển đổi số ngành nông nghiệp, tạo bước phát triển đột phá trong khu vực nông nghiệp, nông thôn. Tăng cường công tác quản lý, bảo vệ, phát triển rừng; triển khai công tác trồng rừng năm 2025.

2.3. Thúc đẩy hoạt động sản xuất công nghiệp, tăng cường rà soát, tháo gỡ khó khăn vướng mắc trong quản lý, hoạt động của các cụm công nghiệp; tạo điều kiện thuận lợi thu hút đầu tư, thành lập các cụm công nghiệp mới; đẩy nhanh tiến độ triển khai công tác chuẩn bị kêu gọi đầu tư 08 dự án năng lượng theo Quy hoạch tỉnh.

2.4. Đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến thương mại, quảng bá các sản phẩm và tăng cường triển khai công tác kết nối giao thương nhằm mở rộng tiêu thụ nội địa và thị trường xuất khẩu, chủ động thích ứng linh hoạt, kịp thời, phù hợp, hiệu quả với tình hình thế giới, khu vực. Tăng cường công tác chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả trong tình hình mới. Tạo mọi điều kiện thuận lợi để phát triển các ngành dịch; ứng dụng công nghệ thông tin, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế số.

2.5. Thúc đẩy du lịch, nhất là du lịch quốc tế. Tiếp tục đề xuất, mạnh dạn đăng cai tổ chức, đưa các sự kiện, hoạt động văn hóa lớn về địa phương vào các dịp lễ, kỳ nghỉ dài ngày để tăng lượng khách du lịch đến với tỉnh và thúc đẩy các ngành dịch vụ phát triển; khảo sát, phát triển các sản phẩm du lịch mới để phục vụ khách du lịch đến với Đắk Lắk; tạo điều kiện phát triển hiệu quả mô hình du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái và các dự án đầu tư du lịch gắn với quản lý, bảo vệ rừng.

2.6. Tập trung chỉ đạo quyết liệt về công tác thực hiện, giải ngân vốn đầu tư công (bao gồm 03 Chương trình mục tiêu quốc gia), kịp thời tháo gỡ các khó khăn,

vướng mắc trong triển khai thực hiện các dự án, đặc biệt là Dự án đường bộ cao tốc Khánh Hòa – Buôn Ma Thuột, các dự án trọng điểm, liên vùng. Tăng cường đôn đốc các chủ đầu tư thực hiện giải ngân hết kế hoạch vốn; sớm hoàn thành công tác giải phóng mặt bằng, các thủ tục đấu thầu để khởi công các dự án.

Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Đắk Lắk; Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông và nông nghiệp phát triển nông thôn tỉnh Đắk Lắk chủ động rà soát các dự án được giao làm chủ đầu tư, đôn đốc, khẩn trương đẩy nhanh tiến độ giải ngân các nguồn vốn đã giao; kịp thời báo cáo, đề xuất UBND tỉnh hướng giải quyết đối với nội dung có vướng mắc. Khẩn trương phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan xây dựng Phương án tiếp nhận chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, nhân sự (nếu có), tài sản, công nợ,...liên quan đến dịch vụ sự nghiệp công, dịch vụ công ích theo phương án của tỉnh.

2.7. Nghiên cứu, triển khai quy định về phân cấp quản lý dự án đầu tư phù hợp năng lực, tình hình thực tế của các đơn vị, địa phương sau khi sắp xếp chính quyền địa phương 02 cấp; các nội dung về công tác quy hoạch xây dựng, phát triển đô thị theo hướng dẫn sau khi sắp xếp đơn vị hành chính và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp.

2.8. Tập trung triển khai thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp đẩy mạnh thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn tỉnh, các biện pháp, giải pháp quản lý nguồn thu, chống thất thu và thu hồi nợ đọng thuế, phấn đấu hoàn thành vượt dự toán thu NSNN năm 2025 trên địa bàn tỉnh. Tập trung rà soát, tháo gỡ kịp thời các khó khăn, vướng mắc liên quan đến các dự án thu tiền sử dụng đất năm 2025 và giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh để các dự án sớm đi vào hoạt động, tạo nguồn thu cho ngân sách, đảm bảo nguồn vốn bố trí cho các dự án đầu tư công.

2.9. Khẩn trương xây dựng các chương trình, kế hoạch triển khai nhiệm vụ, giải pháp tại Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân, khẳng định vị trí, vai trò kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng nhất của nền kinh tế quốc gia. Đẩy mạnh các hoạt động hỗ trợ, phát triển doanh nghiệp, cải cách thủ tục hành chính, triển khai đồng bộ, có hiệu quả các nội dung hỗ trợ DNNVV theo Kế hoạch đã được UBND tỉnh phê duyệt. Tham mưu UBND tỉnh tổ chức các Hội nghị gặp mặt, đối thoại doanh nghiệp, HTX trên địa bàn tỉnh.

Kịp thời nắm thông tin để tham mưu tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp, nhà đầu tư trong quá trình triển khai thực hiện các thủ tục đầu tư, triển khai thực hiện dự án trên địa bàn tỉnh, đặc biệt là các dự án trọng điểm, tạo động lực thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

3. Về phát triển văn hóa - xã hội

3.1. Chú trọng thực hiện các chính sách an sinh xã hội; chính sách giảm nghèo, ưu tiên nguồn lực thực hiện chính sách đối với vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn, vùng dân tộc thiểu số nhằm giảm nghèo nhanh và bền vững, hạn chế tái nghèo, góp phần nâng cao mức sống của người dân. Nâng cao chất lượng các tiêu chí và chất lượng thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới; huy động,

lồng ghép và sử dụng hiệu quả các nguồn lực đầu tư cho phát triển nông nghiệp, nông thôn.

3.2. Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ, chính sách đối với người có công, gia đình chính sách, các đối tượng xã hội, chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho Nhân dân trên địa bàn. Đẩy mạnh thực hiện công tác xóa nhà tạm, nhà dột nát, hoàn thành Kế hoạch xóa nhà tạm, nhà dột nát trên địa bàn tỉnh trong năm 2025.

3.3. Thực hiện hiệu quả công tác dân tộc trong tình hình mới; chủ động nắm tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội và đời sống, sản xuất tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo. Kịp thời giải quyết nhu cầu của các tôn giáo theo quy định của Luật Tín ngưỡng, tôn giáo và các văn bản hướng dẫn thi hành.

3.4. Tập trung phát triển nguồn nhân lực, đặc biệt là nguồn nhân lực chất lượng cao; chú trọng giải quyết việc làm, đào tạo nghề cho lao động nông thôn, đảm bảo phù hợp nhu cầu thực tế và giải quyết việc làm cho lao động trên địa bàn; nâng cao năng lực của hệ thống trung tâm dịch vụ việc làm, mở rộng thị trường và cơ hội việc làm cho lao động đã qua đào tạo có nhu cầu đi làm việc ở nước ngoài.

3.5. Phát triển toàn diện các lĩnh vực văn hóa, xã hội, bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa, giá trị lịch sử, truyền thống dân tộc, nhất là văn hóa truyền thống của cộng đồng dân tộc thiểu số; bảo đảm gắn kết hài hòa với phát triển kinh tế; bảo đảm an sinh xã hội, nâng cao đời sống Nhân dân. Thực hiện tốt các hoạt động văn hóa, văn nghệ... phục vụ nhiệm vụ chính trị và kỷ niệm các ngày lễ lớn của đất nước, của tỉnh, từng bước thu hẹp khoảng cách về hưởng thụ văn hóa giữa thành thị và nông thôn.

3.6. Tập trung triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. Đẩy mạnh thực hiện Kế hoạch chuyển đổi số tỉnh Đắk Lắk năm 2025; Đề án 06 của Chính phủ về phát triển ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030. Tiếp tục hướng dẫn các địa phương triển khai thực hiện các giải pháp phù hợp với tình hình thực tế để nâng cao hiệu quả cung cấp và sử dụng dịch vụ công trực tuyến, xây dựng Chính quyền số, thực hiện Chuyển đổi số một cách toàn diện.

3.7. Triển khai thực hiện tốt nhiệm vụ phát triển giáo dục, đào tạo trên địa bàn tỉnh; duy trì thực hiện tốt chủ trương về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, Chương trình giáo dục phổ thông 2018, chương trình sách giáo khoa mới. Thực hiện đồng bộ các giải pháp để nâng cao chất lượng giáo dục đại trà các cấp học phổ thông; duy trì và nâng cao chất lượng giáo dục mũi nhọn. Tổ chức nghiêm túc, an toàn, chất lượng Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2025. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong điều hành, quản lý, dạy học. Khuyến khích, đẩy mạnh công tác xã hội hóa và tăng cường tự chủ trong các cơ sở giáo dục, đào tạo; đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị trường học các cấp phục vụ dạy và học, kiên cố hóa phòng học, xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia.

3.8. Tiếp tục nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước về y tế; thường

xuyên củng cố và hoàn thiện mạng lưới y tế cơ sở; chú trọng đào tạo, có cơ chế thu hút, phát triển nguồn nhân lực y tế cả về số lượng và chất lượng; nâng cao trình độ chuyên môn, trách nhiệm và ý thức của đội ngũ cán bộ y tế; quan tâm đầu tư cơ sở vật chất cho y tế; tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển y tế ngoài công lập, đẩy mạnh hợp tác quốc tế và kêu gọi đầu tư, xã hội hóa trong lĩnh vực y tế,... nhằm đảm bảo chỉ tiêu về số giường bệnh/vạn dân, số bác sỹ/vạn dân theo kế hoạch của tỉnh đề ra. Cải thiện tình trạng suy dinh dưỡng ở trẻ em; chủ động phòng, chống dịch bệnh, nâng cao năng lực giám sát, phát hiện và khống chế dịch bệnh mới phát sinh và các bệnh dịch nguy hiểm khác xảy ra trên địa bàn.

4. Về môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu

Quản lý chặt chẽ, có hiệu quả về đất đai, tài nguyên, môi trường; thực hiện lồng ghép các biện pháp bảo vệ môi trường, phòng, chống thiên tai vào các quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội các cấp. Quan tâm mời gọi các nhà đầu tư các dự án xử lý rác thải, chất thải rắn sinh hoạt tại các huyện, thị xã, thành phố theo quy hoạch. Nâng cao năng lực thông tin, dự báo, cảnh báo thiên tai; chủ động phòng chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu.

5. Về nội chính, cải cách hành chính (CCHC), phòng chống tham nhũng

5.1. Tăng cường công tác quản lý nhà nước trên các lĩnh vực; nâng cao hiệu lực, hiệu quả chỉ đạo điều hành chính quyền các cấp; duy trì kỷ luật, kỷ cương hành chính trong quản lý nhà nước, quản lý xã hội trên tất cả các lĩnh vực. Thực hiện có hiệu quả công tác xây dựng, thẩm định văn bản QPPL, đảm bảo văn bản QPPL được ban hành đúng pháp luật, đồng bộ, khả thi. Tiếp tục sắp xếp, kiện toàn lại tổ chức bộ máy hành chính theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả; xây dựng, đào tạo đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức chất lượng cao, đáp ứng tốt yêu cầu công việc.

Tổ chức triển khai hiệu quả Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới; thực hiện rà soát văn bản QPPL hiện hành của 02 tỉnh Đắk Lắk - Phú Yên.

5.2. Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo trong triển khai thực hiện các nhiệm vụ CCHC. Triển khai các giải pháp đẩy mạnh thực hiện nhiệm vụ trọng tâm theo Kế hoạch CCHC năm 2025 của tỉnh; chú trọng nâng cao vị trí xếp hạng Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), Chỉ số Hiệu quả Quản trị và Hành chính công cấp tỉnh (PAPI), Chỉ số CCHC (PAR Index). Tổ chức triển khai, khảo sát đánh giá độc lập một số lĩnh vực dịch vụ công; thực hiện Chương trình “Dân hỏi - Thủ trưởng cơ quan hành chính trả lời” năm 2025. Tiếp tục triển khai số hóa kết quả giải quyết TTHC còn hiệu lực cấp tỉnh; triển khai công tác kiểm tra, tuyên truyền CCHC năm 2025. Đẩy mạnh thực hiện chuyển đổi số trong hoạt động của các cơ quan nhà nước, xây dựng chính quyền điện tử, phát triển Chính quyền số; đồng thời, đẩy mạnh thực hiện Đề án 06 của Chính phủ về Phát triển ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030.

5.3. Nghiêm túc thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ và của tỉnh về chấn chỉnh, tăng cường trách nhiệm trong xử lý công việc, chấn chỉnh, tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong cơ quan hành chính các cấp. Tăng cường công tác phân cấp, phân quyền trong xử lý công việc, không đùn đẩy né tránh, lạm dụng việc hỏi cấp trên trong khi thuộc thẩm quyền xử lý của mình.

5.4. Thực hiện tốt công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, giải quyết khiếu nại, tố cáo; kịp thời giải quyết các vụ việc theo thẩm quyền. Tiếp tục tập trung khắc phục các tồn tại, hạn chế, vi phạm do Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Thanh tra Chính phủ đã chỉ ra.

Tăng cường kiểm tra, theo dõi nắm chắc tình hình kịp thời xử lý các vụ khiếu nại, tố cáo đông người, phức tạp không dễ phát sinh điểm “nóng” về khiếu nại, tố cáo. Tập trung xử lý, giải quyết dứt điểm đối với 05 vụ việc phức tạp, kéo dài, vượt cấp lên Trung ương trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk thuộc diện Tổ công tác của Thủ tướng Chính phủ trực tiếp chỉ đạo, kiểm tra, rà soát, giải quyết.

6. Đảm bảo quốc phòng, an ninh

Tăng cường lực lượng bám sát địa bàn trọng điểm; nắm tình hình, quản lý địa bàn an ninh tuyến biên giới đi qua địa bàn tỉnh, đối tượng liên quan đến an ninh quốc gia, kịp thời phát hiện, đấu tranh, vô hiệu hóa âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực phản động và số đối tượng chống đối chính trị. Bảo vệ tuyệt đối an toàn các mục tiêu, công trình trọng điểm, các đoàn lãnh đạo Đảng, Nhà nước, các đoàn khách quốc tế đến tỉnh. Tiếp tục triển khai quyết liệt, hiệu quả các đợt cao điểm tấn công, trấn áp các loại tội phạm. Tăng cường phát hiện, xử lý vi phạm trong lĩnh vực quản lý kinh tế, môi trường. Nâng cao chất lượng công tác tuyên truyền, phòng ngừa tai nạn giao thông, PCCC; duy trì tuần tra kiểm soát, phát hiện, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm trật tự an toàn giao thông.

Trên đây là tình hình, kết quả thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh 6 tháng đầu năm và nhiệm vụ trọng tâm 6 tháng cuối năm 2025, UBND tỉnh báo cáo Thường trực Tỉnh ủy, HĐND tỉnh xem xét, chỉ đạo.

Nơi nhận: *TCT*

- TTTU, TT HĐND tỉnh;
- CT; các PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- UBND các huyện, TX, TP;
- Chi cục Thuế KV XIV; Chi cục Hải Quan KV XIV;
- Chi cục Thống kê tỉnh;
- Các phòng, TT thuộc VP UBND tỉnh;
- TT CN và Công TTĐT tỉnh (Để đăng tin);
- Lưu: VT, TH (ĐH.40b)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
Q. CHỦ TỊCH



Nguyễn Thiên Văn

Phụ lục I
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU VỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI,
ĐẢM BẢO QUỐC PHÒNG, AN NINH QUÝ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2025

(Ban hành kèm theo Báo cáo số **192** /BC-UBND ngày **19**/6/2025 của UBND tỉnh)

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2025	Kết quả thực hiện 6 tháng đầu năm 2025				Ghi chú
				Ước thực hiện 6 tháng	TH cùng kỳ năm 2024	So với KH 2025 (%)	So với cùng kỳ 2024 (%)	
1	Giá trị Tổng sản phẩm (GRDP theo giá so sánh 2010)	Tỷ đồng	68.425	26.789	25.121	39,15	6,64	
	- Nông, lâm nghiệp và thủy sản	Tỷ đồng	24.930	7.757	7.320	31,12	5,97	
	- Công nghiệp và xây dựng	Tỷ đồng	11.450	4.586	4.174	40,05	9,87	
	<i>Trong đó: + Công nghiệp</i>	Tỷ đồng	7.350	3.076	2.727	41,85	12,80	
	<i>+ Xây dựng</i>	Tỷ đồng	4.100	1.510	1.447	36,83	4,35	
	- Dịch vụ	Tỷ đồng	29.550	13.199	12.392	44,67	6,51	
	- Riêng Thuế SP trừ trợ cấp SP	Tỷ đồng	2.495	1.247	1.235	49,98	0,97	
*	Giá trị Tổng sản phẩm (GRDP - theo giá hiện hành)	Tỷ đồng	159.506	62.876	52.812	41,12	23,88	
	- Nông, lâm nghiệp và thủy sản	Tỷ đồng	63.295	20.924	16.350	33,06	27,98	
	- Công nghiệp và xây dựng	Tỷ đồng	28.986	12.131	9.580	41,85	26,63	
	<i>Trong đó: + Công nghiệp</i>	Tỷ đồng	21.288	9.404	6.980	44,17	34,73	
	<i>+ Xây dựng</i>	Tỷ đồng	7.698	2.727	2.600	35,43	4,88	
	- Dịch vụ	Tỷ đồng	61.421	27.044	24.289	44,03	11,34	
	- Riêng Thuế SP trừ trợ cấp SP	Tỷ đồng	5.805	2.777	2.593	47,84	7,10	
*	Cơ cấu kinh tế theo giá hiện hành	%	100,00	100,00	100,00			
	- Nông, lâm nghiệp và thủy sản	%	39,68	33,28	28,86			
	- Công nghiệp và xây dựng	%	18,17	19,29	18,32			
	- Dịch vụ	%	38,51	43,01	47,79			
	- Riêng Thuế NK, thuế SP trừ trợ cấp SP	%	3,64	4,42	5,03			
2	GRDP bình quân đầu người	Triệu đồng	81,70					Đánh giá vào cuối năm
3	Huy động vốn đầu tư toàn xã hội	Tỷ đồng	47.870	18.147	16.298	37,91	11,34	
4	Tổng kim ngạch xuất khẩu trên địa bàn	Triệu USD	1.860	1.293	1.009	69,52	28,15	
5	Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ	Tỷ đồng	120.000	59.200,0	53.405	49,33	10,85	
6	Tổng thu cân đối NSNN trên địa bàn							
	- Dự toán HĐND tỉnh giao	Tỷ đồng	9.550	5.640	4.262	59,06	32,35	
	- Dự toán Trung ương giao	Tỷ đồng	7.858	5.640	4.262	71,77	32,35	
	Tổng chi ngân sách địa phương	Tỷ đồng	28.190	13.925	11.187	49,40	24,47	
7	Phát triển cơ sở hạ tầng							
	- Tỷ lệ đảm bảo tưới cho cây trồng dùng nước	%	85					Đánh giá vào cuối năm
	- Tỷ lệ nhựa hoặc bê tông hoá đường tỉnh	%	100,00	97,17	96,64			
	- Tỷ lệ nhựa hóa, bê tông hóa đường huyện	%	100,00	96,97	95,19			
	- Tỷ lệ nhựa hoặc bê tông hoá đường xã, liên xã	%	82,17	79,98	69,99			
	- Tỷ lệ đô thị hóa	%	37					Đánh giá vào cuối năm
8	Phát triển doanh nghiệp (DN), HTX							
	- Số DN thành lập mới	DN	3.188	1.120	715	35,13	56,64	
	- Số HTX thành lập mới	HTX	60	37	38	61,67	-2,63	
9	Giảm nghèo							Đánh giá vào cuối năm
	- Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều 2021-2025)	%	>= 3%					
	<i>Trong đó: Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo trong đồng bào dân tộc thiểu số</i>	%	>= 4%					
	- Giảm Tỷ lệ thất nghiệp khu vực thành thị còn	%	2,30					
10	Lao động, việc làm							Đánh giá vào cuối năm
	- Tỷ lệ lao động nông nghiệp trong tổng số lao động tham gia hoạt động kinh tế	%	56,00					
	- Tỷ lệ lao động được đào tạo so với tổng số lao động	%	65,00					Báo cáo vào kỳ cuối năm
	<i>Trong đó: Tỷ lệ lao động có bằng, cấp, chứng chỉ</i>	%	22,93					
	- Số lao động được giải quyết việc làm trong năm	Người	30.300	16.300	16.200	53,80	0,62	
	<i>Trong đó: Xuất khẩu lao động</i>	Người	2.500	950	650	38,00	46,15	
11	Tỷ lệ trường học đạt chuẩn Quốc gia	%	64,00					Đánh giá vào cuối năm
12	Về Y tế							

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2025	Ước thực hiện 6 tháng	TH cùng kỳ năm 2024	So với KH 2025 (%)	So với cùng kỳ 2024 (%)	Ghi chú
	- Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng (cân nặng theo độ tuổi) giảm còn	%	17,40	17,40	17,60			
	- Số giường bệnh trên một vạn dân (không tính giường của trạm y tế xã)	Giường	29,00	28,50	28,50			
	- Số bác sỹ trên một vạn dân	Bác sỹ	8,00	7,70	7,50			
	- Tỷ lệ bao phủ Bảo hiểm y tế	%	95,00	91,82	88,83			
13	Nông thôn mới							Đánh giá vào cuối năm
	- Số xã đạt chuẩn nông thôn mới	xã	97/149					
	- Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới	%	65,10					
	- Đơn vị cấp huyện hoàn thành Chương trình xây dựng nông thôn mới	đơn vị	4,00					
14	Về môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu							
	- Tỷ lệ khu, cụm công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường	%	100,00	40,00	11,11			
	- Tỷ lệ chất thải rắn đô thị được thu gom, xử lý	%	92,00	91,90	91,80			
	- Tỷ lệ dân số thành thị được cung cấp nước sạch	%	92,50	92,13	91,74			
	- Tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh	%	97,50					Đánh giá vào cuối năm
	- Tỷ lệ che phủ rừng (tính cả cây cao su)	%	40,00					Đánh giá vào cuối năm
15	Chỉ số cải cách hành chính (PAR Index)		Tăng 5 bậc so với 2024					Bộ Nội vụ công bố vào quý II/2026
16	Quốc phòng, an ninh							Hoàn thành
	- Tỷ lệ đạt chỉ tiêu tuyển quân	%	100,00	100,00	100,00			
	- Diễn tập phòng thủ dân sự cấp huyện	đơn vị	1					
*	- Bồi dưỡng kiến thức Quốc phòng và An ninh	Đối tượng						
	+ Đối tượng 1	Người	1					
	+ Đối tượng 2 theo Thông tư số 172/2020/TT-BQP của Bộ Quốc phòng	Khóa/người	2/26	1/1				
	+ Đối tượng 2 theo Thông tư số 24/2014/TT-BQP của Bộ Quốc phòng	Khóa/người	1/5	1/5				Hoàn thành
	+ Đối tượng 2 theo Hướng dẫn số 175/HD-HĐQGQPANTW	Khóa/người	1/20	1/1				
	+ Đối tượng 3 theo Thông tư số 172/2020/TT-BQP của Bộ Quốc phòng	Khóa/người	3/240	0				
	+ Đối tượng 3 theo Hướng dẫn số 175/HD-HĐQGQPANTW	Khóa/người	6/480	0				
	+ Đối tượng 3 theo Thông tư số 24/2014/TT-BQP của Bộ Quốc phòng	Khóa/người	1/88	1/88				Hoàn thành
*	Tỷ lệ điều tra, khám phá tội phạm xâm phạm trật tự xã hội	%	85,00	72,90	90			
	Tr đó: Tỷ lệ điều tra, làm rõ án rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng	%	90,00	80,00	85,11			
	- Tai nạn giao thông (giảm so với cùng kỳ)		Kiểm giảm tai nạn giao thông so với cùng kỳ					
	Số vụ			145	165		-12,12	
	Số người chết			113	99		14,14	
	Số người bị thương			86	113		-23,89	

Phụ lục II

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU VỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI,
ĐẢM BẢO QUỐC PHÒNG, AN NINH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2025

(Kèm theo Báo cáo số **192** /BC-UBND ngày **19/6/2025** của UBND tỉnh)

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2025	Kết quả 6 tháng năm 2025				Ghi chú
				Ước TH 6 tháng 2025	TH cùng kỳ năm 2024	So với KH 2025 (%)	So với cùng kỳ 2024 (%)	
1	CHI CỤC THỐNG KÊ							
1.1	Giá trị tổng sản phẩm (GRDP - Giá SS 2010)	Tỷ đồng	68.425	26.789	25.121	39,15	6,64	
	- Nông lâm, thủy sản	Tỷ đồng	24.930	7.757	7.320	31,12	5,97	
	- Công nghiệp - Xây dựng	Tỷ đồng	11.450	4.586	4.174	40,05	9,87	
	Trong đó: + Công nghiệp	Tỷ đồng	7.350	3.076	2.727	41,85	12,80	
	+ Xây dựng	Tỷ đồng	4.100	1.510	1.447	36,83	4,35	
	- Dịch vụ	Tỷ đồng	29.550	13.199	12.392	44,67	6,51	
	- Riêng thuế SP trừ trợ cấp SP	Tỷ đồng	2.495	1.247	1.235	49,98	0,97	
	* Giá trị tổng sản phẩm (GRDP - giá hiện hành)	Tỷ đồng	159.506	62.876	52.812	41,12	23,88	
	- Nông lâm, thủy sản		63.295	20.924	16.350	33,06	27,98	
	- Công nghiệp - Xây dựng		28.986	12.131	9.580	41,85	26,63	
	Trong đó: + Công nghiệp		21.288	9.404	6.980	44,17	34,73	
	+ Xây dựng		7.698	2.727	2.600	35,43	4,88	
	- Dịch vụ		61.421	27.044	24.289	44,03	11,34	
	- Riêng thuế SP trừ trợ cấp SP		5.805	2.777	2.593	47,84	7,10	
	* Cơ cấu kinh tế theo giá hiện hành		100,00	100,00	100,00			
	- Nông lâm, thủy sản	%	39,68	33,28	28,86			
	- Công nghiệp - Xây dựng	%	18,17	19,29	18,32			
	- Dịch vụ	%	38,51	43,01	47,79			
	- Riêng thuế SP (trừ trợ cấp SP)	%	3,64	4,42	5,03			
1.2	GRDP bình quân đầu người (Giá hiện hành)	Tr. đồng	81,70					Đánh giá cuối năm
1.3	Huy động vốn đầu tư toàn xã hội	Tỷ đồng	47.870	18.147	16.298	37,91	11,34	
2	SỐ TÀI CHÍNH							
2.1	Tổng thu cân đối NSNN trên địa bàn	Tỷ đồng	9.550	5.640	4.262	59,06	32,35	
a	Thu nội địa	Tỷ đồng	9.453	5.621	4.200	59,46	33,82	
	- Thu thuế và phí	Tỷ đồng	6.311	3.747	3.241	59,37	15,60	
	- Thu biện pháp tài chính	Tỷ đồng	2.962	1.755	867	59,24	102,34	
	* Trong đó thu tiền sử dụng đất:	Tỷ đồng	2.740	1.562	735	57,01	112,65	
	+ Cấp tỉnh thực hiện	Tỷ đồng	1.140	543	1,4	47,63		
	+ Cấp huyện thực hiện	Tỷ đồng	1.600	1.019	733	63,69	38,99	
	- Các khoản thu khác (XSKT)	Tỷ đồng	180	119	92	66,24	29,87	
b	Thu hải quan	Tỷ đồng	98	19,5	61	19,98	-68,29	
2.2	Tổng chi ngân sách địa phương	Tỷ đồng	28.189	13.925	11.187	49,40	24,47	
	- Chi đầu tư phát triển	Tỷ đồng	8.420	4.990	4.768	59,26	4,66	
	- Chi thường xuyên	Tỷ đồng	19.769	8.935	6.419	45,20	39,19	
2.3	Phát triển doanh nghiệp							
	Số doanh nghiệp và chi nhánh của doanh nghiệp ngoài tỉnh đang tồn tại, hoạt động	DN, CN	15.250	14.831	12.841	97,25	15,50	
	Số doanh nghiệp đang tồn tại, hoạt động	D. nghiệp	14.000	13.751	11.858	98,22	15,96	
	Số chi nhánh của doanh nghiệp ngoài tỉnh đang tồn tại, hoạt động	Chi nhánh	1.250	1.080	983	86,40	9,87	
	Số doanh nghiệp thành lập mới	D. nghiệp	3.188	1.120	715	35,13	56,64	
	+ Số vốn đăng ký		23.000	13.267	5.171	57,68	156,57	
	Số doanh nghiệp giải thể	D. nghiệp	-	108	111		-2,70	
	Số doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động	D. nghiệp	-	751	625		20,16	
	Số doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động đã quay trở lại hoạt động	D. nghiệp	-	261	206		26,70	
	Số hợp tác xã (HTX) thành lập mới	HTX	60	37	38	61,67	-2,63	
	Số HTX, Liên hiệp HTX còn hoạt động	HTX	730	701	635	96,03	10,39	
2.4	Xúc tiến đầu tư							
	- Số dự án phê duyệt quyết định chủ trương đầu tư, trong đó:	Dự án	25	9	9	36,00	0,00	
	+ Tổng vốn đầu tư đăng ký	Tỷ đồng	15.000	1.196	2.736	7,97	-56,30	
3	NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC- CHI NHÁNH KHU VỰC 11							
3.1	Tổng nguồn vốn huy động	Tỷ đồng	111.300	104.000	87.170	93,44	19,31	
3.2	Tổng dư nợ cho vay nền kinh tế	Tỷ đồng	193.500	182.000	156.526	94,06	16,27	
	- Tỷ lệ nợ xấu (nợ nhóm 3,4,5)	Tỷ đồng	<3%	1,00	1,18			
3.3	Thực hiện cho vay các chương trình tín dụng							

TT	Chi tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2025	Kết quả 6 tháng năm 2025				Ghi chú
				Ước TH 6 tháng 2025	TH cùng kỳ năm 2024	So với KH 2025 (%)	So với cùng kỳ 2024 (%)	
	- Dự nợ cho vay theo các chương trình tín dụng của Ngân hàng Chính sách xã hội	Tỷ đồng	9.000	8.570	7.903	95,22	8,44	
	- Dự nợ cho vay xuất khẩu	Tỷ đồng	2.800	5.960	1.615	212,86	269,04	
4	SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG							
4.1	Sản phẩm chủ yếu:							
	- Sản lượng lương thực có hạt	Tấn	1.514.795	400.275	394.423	26,42	1,48	
	+ Trong đó: Thóc	Tấn	933.776	374.388	369.699	40,09	1,27	
	- Cà phê nhân	Tấn	594.961					
	- Cao su mũ khô	Tấn	36.923	26.248	19.650	71,09	33,58	
	- Hạt điều	Tấn	39.061	39.061	38.521	100,00	1,40	
	- Sầu riêng	Tấn	387.582					
	- Hồ tiêu	Tấn	83.268	83.268	74.827	100,00	11,28	
	- Lạc vỏ	Tấn	8.972					
	- Mía cây	Tấn	1.111.709	119.170	81.242	10,72	46,69	
	- Đậu tương	Tấn	2.271					
	- Thịt hơi các loại	Tấn	324.890	162.480	158.530	50,01	2,49	
	- Trứng các loại	1000 quả	610.980	306.680	305.840	50,19	0,27	
	- Sản lượng đánh bắt và nuôi trồng thủy hải sản	Tấn	25.650	9.687	9.136	37,77	6,03	
4.2	Trồng rừng tập trung	Ha	1.817	200	186	11,01	7,53	
4.3	Tỷ lệ độ che phủ rừng (tính cả cây cao su)	%	40,00					
4.4	Tỷ lệ đảm bảo tưới cho cây trồng có nhu cầu tưới	%	85,00					
4.5	Số xã đạt chuẩn nông thôn mới	xã	97/149					
	Tỷ lệ số xã đạt chuẩn nông thôn mới	%	65,10					
	Bình quân tiêu chí xây dựng nông thôn mới đạt được trên một đơn vị xã	Số TC/xã	16,50					
4.6	Số đơn vị cấp huyện đạt tiêu chuẩn nông	Đơn vị	4,00					
	Tỷ lệ dân cư nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh	%	97,50					
4.7	Cấp giấy chứng nhận QSD đất hộ gia đình, cá nhân (giao cho UBND cấp huyện)							
	- Số lượng cấp	Giấy	7.500	397	205	5,29	93,66	
	- Diện tích cấp	Ha	4.000	151,35	95,27	3,78	58,87	
4.8	Cấp giấy chứng nhận QSD đất các tổ chức							
	- Số lượng cấp	Giấy	150	27	1	18,00		
	- Diện tích cấp	Ha	300	15,74	0,03	5,25		
4.9	Chuyển mục đích đất nông nghiệp sang phi nông nghiệp đối với hộ gia đình, cá nhân (giao cho UBND cấp huyện)	Ha	-					
4.10	Tỷ lệ khu, cụm công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường	%	100,00	33,33	11,11			
4.11	Tỷ lệ chất thải rắn đô thị được thu gom và xử lý	%	92,00	91,90	91,80			
4.12	Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo/năm	%	>= 3%					
	Trong đó: Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo trong đồng bào dân tộc thiểu số	%	>= 4%					
5	SỞ CÔNG THƯƠNG							
5.1	Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP)	%	112	115				
5.2	Sản phẩm chủ yếu							
<i>a</i>	<i>Nhóm CN chế biến, chế tạo</i>							
	1. Cà phê bột các loại (gồm cả cà phê hương liệu)	Tấn	35.000	21.470	19.360	61,34	10,90	
	2. Hạt điều nhân xuất khẩu	Tấn	750	332	268	44,27	23,88	
	3. Tinh bột sắn, bột dong riềng	1000 Tấn	130	83	78	64,15	6,92	
	4. Đường RS	1000 Tấn	95	64	62	67,58	3,55	
	5. Cao su và sản phẩm cao su	Tấn	16.000	7.200	7.153	45,00	0,66	
	6. Nước tinh khiết	1000 lít	40.000	19.583	17.513	48,96	11,82	
	7. Bìa các loại	1000 lít	90.000	38.179	35.600	42,42	7,24	
	8. Phân vi sinh và phân khoáng các loại	Tấn	11.000	5.200	4.600	47,27	13,04	
	10. Thức ăn gia súc	Tấn	950	481	389	50,63	23,65	
	11. Bộ com-lê, quần áo đồng bộ	1.000 chiếc	27.000	12.638	10.560	46,81	19,68	
	12. Gỗ cưa xẻ các loại	m ³	5.700	2.925	2.850	51,32	2,63	
	13. Bàn, ghế bằng gỗ các loại	chiếc	4.500	2.238	2.150	49,73	4,09	
	14. Vỏ bào, dăm gỗ	Tấn	105.000	53.150	38.000	50,62	39,87	
	15. Giày, dép các loại	1.000 đôi	5.400	2.756	2.650	51,04	4,00	
	16. Bao in	10 ⁶ trang	730	339	315	46,44	7,62	

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2025	Kết quả 6 tháng năm 2025				Ghi chú
				Ước TH 6 tháng 2025	TH cùng kỳ năm 2024	So với KH 2025 (%)	So với cùng kỳ 2024 (%)	
	17. Bao bì các loại	Tấn	14.500	7.542	7.256	52,01	3,94	
	18. Sắt, thép không hợp kim cán phẳng	Tấn	390.000	167.470	142.000	42,94	17,94	
	19. cửa ra vào bằng sắt, thép	m ²	1.050	442	432	42,10	2,31	
	20. Thiết bị chế biến nông sản	Chiếc	19.000	9.627	9.450	50,67	1,87	
	21. Bơm nước các loại	Chiếc	69.500	32.980	31.255	47,45	5,52	
	22. Củ, quả sấy	Tấn	280	128	115	45,71	11,30	
	23. Lông mi giả	Tr sp	11	5	3,8	48,18	39,47	
	24. Sản phẩm dệt sợi	Tấn	3.000	1.388		46,27		
b	Nhóm CN sản xuất và phân phối điện, nước							
	25. Điện thương phẩm	10 ⁶ Kwh	2.500	1.315	1.310	52,60	0,38	
	26. Điện sản xuất	10 ⁶ Kwh	7.300	2.973,0	2.565,4	40,73	15,89	
	- Thủy điện	10 ⁶ Kwh		1.299	932		39,36	
	- Điện Mặt trời	10 ⁶ Kwh		1.248	1.282		-2,68	
	- Điện Gió	10 ⁶ Kwh		426	351		21,35	
	27. Nước uống được	1.000 m ³	72.000	35.400	33.500	49,17	5,67	
c	Nhóm CN khai khoáng							
	28. Đá xây dựng các loại	1.000 m ³	2.700	1.410	1.350	52,22	4,44	
	29. Gạch nung quy chuẩn	10 ⁶ Viên	1.400	583	620	41,64	-5,97	
	30. Bê tông và các SP từ bê tông	m ³	18.500	50.000	47.800	270,27	4,60	
5.3	Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ	Tỷ đồng	120.000	59.200	53.405	49,33	10,85	
5.4	Tổng giá trị kim ngạch xuất khẩu trên địa bàn	Triệu USD	1.860	1.293,0	1.008,9	69,52	28,15	
5.5	Tổng giá trị kim ngạch nhập khẩu trên địa bàn	Triệu USD	525	335,0	264,0	63,81	26,90	
6	SỞ XÂY DỰNG							
6.1	Tỷ lệ dân số đô thị được sử dụng nước sạch	%	92,50	92,13	91,74			
6.2	Diện tích sàn nhà ở đô thị bình quân đầu người	m2/người	28,00					Đánh giá theo năm
6.3	Diện tích sàn nhà ở nông thôn bình quân đầu người	m2/người	22,30					
6.4	Tỷ lệ đô thị hóa	%	37					Đánh giá vào cuối năm 2025
6.5	Phát triển nhà ở xã hội	Căn nhà	1.800	155		8,61		
6.6	Tỷ lệ nhựa hóa, bê tông hóa đường tỉnh	%	100,00	97,17	96,64			
6.7	Tỷ lệ nhựa hóa, bê tông hóa đường huyện	%	100,00	96,97	95,19			
6.8	Tỷ lệ nhựa hóa, bê tông hóa đường xã, liên xã	%	82,17	79,98	69,99			
6.9	Tổ chức kiểm định lượt phương tiện	Phương tiện	100.000	63.281	62.134	63,28	1,85	
7	SỞ Y TẾ							
7.1	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng (cân nặng theo tuổi) giảm còn	%	17,40	17,40	17,60			
7.2	Tỷ suất tử vong trẻ em dưới 1 tuổi	‰	<22	2,30	3,50			
7.3	Tỷ suất tử vong trẻ em dưới 5 tuổi	‰	<33	2,30	3,80			
7.4	Tỷ lệ xã có trạm y tế	%	100	100	100,00			
7.5	Tỷ lệ trạm y tế xã có bác sỹ phục vụ	%	95	95,0	92,9			
7.6	Tỷ lệ xã đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế	%	75	-	-			
7.7	Tổng số giường bệnh (không tính giường bệnh trạm y tế)	Giường bệnh	5.130	5.130	5.130			
	- Tuyến tỉnh	Giường bệnh	2.430	2.180	2.180			
	- Tuyến huyện, thành phố, TX	Giường bệnh	2.700	2.950	2.950			
7.8	Số giường bệnh/vận dân (không tính giường bệnh trạm y tế)	Giường bệnh	29	28,50	28,50			
7.9	Số bác sỹ/vận dân	Bác sỹ	8	7,7	7,50			
7.10	Tỷ suất chết của người mẹ trong thời gian thai sản trên 100.000 trẻ đẻ sống	Người	<40	25	23			
7.11	Tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi tiêm đủ 8 loại vaccine	%	≥95	23,1	13,80			
7.12	Mức giảm tỷ suất sinh	‰	0,20	0,05	0,12			
8	BẢO HIỂM XÃ HỘI KHU VỰC XXV							
8.1	Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế	%	95,00	91,82	88,83			
8.2	Số người tham gia bảo hiểm y tế	Người	1.798.117	1.738.000	1.715.000	96,66	1,34	
8.3	Tổng số tiền thu BHXH, BHYT, BHTN	Triệu đồng	5.155.099	2.818.700	2.025.000	54,68	39,20	
8.4	Tổng số tiền chi BHXH, BHYT, BHTN	Triệu đồng	7.108.630	3.456.231	3.003.444	48,62	15,08	
8.5	Tổng số tiền nợ BHXH, BHYT, BHTN	Triệu đồng	216.500	220.000	221.000	101,62	-0,45	
9	SỞ NỘI VỤ							

TT	Chi tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2025	Kết quả 6 tháng năm 2025				Ghi chú
				Ước TH 6 tháng 2025	TH cùng kỳ năm 2024	So với KH 2025 (%)	So với cùng kỳ 2024 (%)	
9.1	Số lao động được giải quyết việc làm trong năm	Người	30.300	16.300	16.200	53,80	0,62	
	<i>Trong đó: Xuất khẩu lao động</i>	<i>Người</i>	<i>2.500</i>	<i>950</i>	<i>650</i>	<i>38,00</i>	<i>46,15</i>	
9.2	Tỷ lệ lao động nông nghiệp trong tổng số lao động tham gia hoạt động kinh tế	%	56,00					Bảo cáo vào kỳ cuối năm
9.3	Tỷ lệ lao động qua đào tạo so với tổng số lao động	%	65,00					
	<i>Trong đó : Tỷ lệ lao động có bằng cấp chứng chỉ</i>	<i>%</i>	<i>22,93</i>					
9.4	Tỷ lệ thất nghiệp khu vực thành thị giảm còn	%	2,30					
9.5	Số người tham gia bảo hiểm xã hội	Người	152.832	140.650	131.307	92,03	7,12	
9.6	Số người tham gia bảo hiểm thất nghiệp	Người	108.671	106.512	101.632	98,01	4,80	
9.7	Chỉ số cải cách hành chính (PAR Index)		Tăng 5 bậc so với năm 2024					
10	SỐ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO							
10.1	Tỷ lệ trường học đạt chuẩn quốc gia	%	64,00	62,10	62,00			
10.2	Tỷ lệ phòng học được kiên cố hóa	%	89,0	87,90	87,03			
10.3	Tỷ lệ trẻ trong độ tuổi đi học mẫu giáo	%	86,5	86,40	86,00			
10.4	Tỷ lệ trẻ 5 tuổi học mẫu giáo	%	99,66	99,66	99,55			
10.5	Tỷ lệ trẻ 6 tuổi vào lớp 1	%	99,98	99,98	99,98			
10.6	Tỷ lệ trẻ 11 tuổi đến 14 tuổi vào lớp 6	%	99,98	99,21	99,98			
10.7	Tỷ lệ HS THPT (15 tuổi vào lớp 10)	%	78,00	75,50	75,49			
10.8	Đào tạo (tuyển mới)	Học viên	46.323	17.405	19.592	37,57	-11,16	
	<i>Cao đẳng</i>	<i>Học viên</i>	<i>3.165</i>	<i>176</i>	<i>111</i>	<i>5,56</i>	<i>58,56</i>	
	<i>Trung cấp</i>	<i>Học viên</i>	<i>3.225</i>	<i>358</i>	<i>274</i>	<i>11,10</i>	<i>30,66</i>	
	<i>Sơ cấp</i>	<i>Học viên</i>	<i>18.114</i>	<i>7.329</i>	<i>8.630</i>	<i>40,46</i>	<i>-15,08</i>	
	<i>Dạy nghề thường xuyên</i>	<i>Học viên</i>	<i>21.819</i>	<i>9.542</i>	<i>10.557</i>	<i>43,73</i>	<i>-9,61</i>	
11	SỐ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ							
11.1	Tỷ lệ trả kết quả theo hình thức trực tuyến (Số lượng kết quả được trả trực tuyến trên môi trường mạng /Số lượng kết quả giải quyết thủ tục hành chính)	%	20,00	27,03	14,02			
11.2	Tỷ lệ thủ tục hành chính đáp ứng yêu cầu được triển khai dịch vụ công trực tuyến toàn trình	%	90,00	100,00	100,00			
11.3	Thủ tục hành chính được tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích	%	85,00	85,00	90,00			
11.4	Tỷ lệ xã có hệ thống thông tin liên lạc thông suốt	%	100,00	100,00	100,00			
11.5	Số thuê bao điện thoại /100 dân	Thuê bao	120,00	221,10	114,00			
	<i>Trong đó: Số thuê bao điện thoại cố định/100 dân</i>	<i>Thuê bao</i>	<i>1,60</i>	<i>7,86</i>	<i>1,77</i>			
11.6	Số thuê bao internet/100 dân	Thuê bao	65,00	112,82	76,24			
11.7	Tỷ lệ người sử dụng internet	%	210,00	394,86	267,00			
11.8	Kết quả hoạt động Bưu chính	Triệu đồng	450	250	125	55,56	100,00	
11.9	Công tác quản lý đề tài, dự án KH&CN	Đề tài, DA	20	20	20			
	- Số đề tài, dự án cấp tỉnh được tư vấn tuyển chọn	Đề tài, DA	18	18	18			
	- Số đề tài cấp tỉnh được giao trực tiếp	Đề tài, DA	2	2	2			
11.10	Số phương tiện đo được kiểm định	Phương tiện	19.000	3.000	1.571	15,79	90,96	
12	SỐ VĂN HÓA - THỂ THAO VÀ DU LỊCH							
12.1	Tỷ lệ thôn, buôn, tổ dân phố đạt tiêu chuẩn văn hóa	%	86,40					Số liệu cuối năm đánh giá
12.2	Tỷ lệ gia đình đạt tiêu chuẩn văn hoá	%	86,80					
12.3	Tỷ lệ người luyện tập thể dục thể thao thường xuyên	%	35,00					
12.4	Tỷ lệ gia đình luyện tập thể dục thể thao thường xuyên	%	20,70					
12.5	Tỷ lệ trường học đảm bảo giáo dục thể chất	%	100,00					
12.6	Tổng số lượt khách du lịch	Lượt khách	1.800.000	1.265.000	779.500	70,28	62,28	
	<i>Tr đó: tổng lượt khách quốc tế</i>	<i>Lượt khách</i>	<i>60.000</i>	<i>35.600</i>	<i>17.406</i>	<i>59,33</i>	<i>104,53</i>	
12.7	Tổng doanh thu du lịch	Tỷ đồng	1.600	1.115	646	69,66	72,54	
12.8	Số buồng của các cơ sở lưu trú (CSLT) có đến 31/3; 30/6; 30/9; 31/12 trên địa bàn	Buồng	6.100	5.858	5.588	96,03	4,83	

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2025	Kết quả 6 tháng năm 2025				Ghi chú
				Ước TH 6 tháng 2025	TH cùng kỳ năm 2024	So với KH 2025 (%)	So với cùng kỳ 2024 (%)	
12.9	Số cơ sở phân theo tiêu chuẩn sao và chưa phân sao của các đơn vị hoạt động lưu trú trên địa bàn.	CSLT	290	285	271	98,28	5,17	
	- Phân theo tiêu chuẩn 1-5 sao	CSLT	30	27	29	90,00	-6,90	
	- Chưa phân theo tiêu chuẩn sao	CSLT	260	258	242	99,23	6,61	
13	SỐ DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO							
1	Dự án "Đẩy mạnh công tác tuyên truyền phòng, chống tội phạm về ma túy vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2022 - 2025" trên địa bàn tỉnh	Triệu đồng	387					
2	Chính sách người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số (Nguồn NSDP và nguồn CSASXH theo Quyết định số 127/QĐ-TTg ngày 24/01/2022 của TTCP)	Triệu đồng	4.582	868				
3	Đề án "Hỗ trợ hoạt động bình đẳng giới vùng DTTS giai đoạn 2018-2025" theo Quyết định số 1898/QĐ-TTg ngày 28/11/2017 của Thủ tướng Chính phủ	Triệu đồng	180	162				
4	Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi	Triệu đồng	1.321.314	198.037	158.093			
4.1	DỰ ÁN 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt	Triệu đồng	118.007	8.142	1.176			
4.2	DỰ ÁN 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết	Triệu đồng	323.062	67.188	48.277			
4.3	DỰ ÁN 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp, phát huy tiềm năng, thế mạnh của vùng miền để sản xuất hàng hoá theo chuỗi giá trị	Triệu đồng	135.147	8.710	2.940			
4.4	DỰ ÁN 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc	Triệu đồng	417.624	106.653	94.941			
4.5	DỰ ÁN 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực	Triệu đồng	174.460	1.798	8.935			
4.6	DỰ ÁN 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hoá truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch	Triệu đồng	36.838	4.991	895			
4.7	DỰ ÁN 7: Chăm sóc sức khoẻ nhân dân, nâng cao thể trạng, tâm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em	Triệu đồng	20.213	0	217			
4.8	DỰ ÁN 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em	Triệu đồng	32.184	277	462			
4.9	DỰ ÁN 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc rất ít người, nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn	Triệu đồng	9.341	0	1			
4.10	DỰ ÁN 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình	Triệu đồng	26.439	278	249			
4.11	Phân bổ sau cho các dự án	Triệu đồng	28.000					
14	SỐ TƯ PHÁP							
14.1	Số văn bản QPPL được thẩm định	Văn bản	85	36	25	42,35	44,00	
14.2	Phát hành Bản tin Tư pháp	Cuốn	6.000	3.000	21.000	50,00	-85,71	
14.3	Công tác hỗ trợ tư pháp							
	- Số lượng công chứng	Trường hợp	12.750	5.686	4.691	44,60	21,21	
	- Thu phí công chứng	Triệu đồng	4.550	2.238	1.668	49,19	34,17	
	- Số cuộc bán đấu giá tài sản	Cuộc	400	135	185	33,75	-27,03	
14.4	Số vụ việc, đối tượng được TGPL	Vụ/đối tượng	840	124	524	14,76	-76,34	
15	CÔNG AN TỈNH							
15.1	Tỷ lệ điều tra, khám phá tội phạm xâm phạm trật tự xã hội	%	>85	72,90	90			
	Tr đó: Tỷ lệ điều tra, làm rõ án rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng	%	>90	80,00	85,11			
15.2	Tai nạn giao thông (giảm so với cùng kỳ)							

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2025	Kết quả 6 tháng năm 2025				Ghi chú
				Ước TH 6 tháng 2025	TH cùng kỳ năm 2024	So với KH 2025 (%)	So với cùng kỳ 2024 (%)	
	- Số vụ			145	165		-12,12	
	- Số người chết			113	99		14,14	
	- Số người bị thương			86	113		-23,89	
15.3	Cấp mới Giấy phép lái xe	Giấy phép	45.000					
	Cấp đổi giấy phép lái xe	Giấy phép	30.000					
15.4	Cấp phiếu LLTP	Phiếu	16.000	4.761				
16	BỘ CHỈ HUY QUÂN SỰ TỈNH							
	- Tỷ lệ đạt chỉ tiêu tuyển quân	%	100,00	100,00				Hoàn thành
	- Diễn tập phòng thủ dân sự cấp huyện	đơn vị	1					
*	Bồi dưỡng kiến thức Quốc phòng và An ninh	Đối tượng						
	+ Đối tượng 1	Người	1					
	+ Đối tượng 2 theo Thông tư số 172/2020/TT-BQP của Bộ Quốc phòng	Khóa/người	2/26	1/1				
	+ Đối tượng 2 theo Thông tư số 24/2014/TT-BQP của Bộ Quốc phòng	Khóa/người	1/5	1/5				Hoàn thành
	+ Đối tượng 2 theo Hướng dẫn số 175/HD-HĐQGQPANTW	Khóa/người	1/20	1/1				
	+ Đối tượng 3 theo Thông tư số 172/2020/TT-BQP của Bộ Quốc phòng	Khóa/người	3/240	0				
	+ Đối tượng 3 theo Hướng dẫn số 175/HD-HĐQGQPANTW	Khóa/người	6/480	0				
	+ Đối tượng 3 theo Thông tư số 24/2014/TT-BQP của Bộ Quốc phòng	Khóa/người	1/88	1/88				Hoàn thành

PHỤ LỤC III

Tiến độ triển khai các nhiệm vụ cụ thể tại Kế hoạch số 59/KH-UBND ngày 18/3/2025 của UBND tỉnh
(Kèm theo Báo cáo số **192** /BC-UBND ngày **19**/6/2025 của UBND tỉnh)

STT	Nội dung/Công việc cụ thể	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Kết quả/sản phẩm	Thời hạn	Cập nhật tiến độ thực hiện
A	CÁC NHIỆM VỤ TẠI KẾ HOẠCH SỐ 59					
I	Về công tác chỉ đạo, điều hành, thể chế, cơ chế chính sách, cải cách hành chính, cải thiện môi trường kinh doanh					
1	Ban hành kế hoạch hành động cụ thể của cơ quan, đơn vị để triển khai các nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội năm 2025 với mục tiêu tăng trưởng đạt 8% trở lên, thu ngân sách nhà nước tăng ít nhất 10% so với năm 2024.	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố		Kế hoạch hành động	Tháng 3/2025	Sở Tài chính đã ban hành KH triển khai thực hiện và nhận được kế hoạch của các Sở: Công Thương; Khoa học và Công nghệ; Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Y tế; Nội vụ; Nông nghiệp và Môi trường; Tư pháp; Xây dựng; Thanh tra tỉnh, Công an tỉnh. UBND cấp huyện: Buôn Ma Thuột, Buôn Hồ, M'Đrăk, Cư Kuin, Ea H'leo.
2	Ban hành Kế hoạch sửa đổi, bổ sung Kế hoạch số 89/KH-UBND ngày 09/5/2024 của UBND tỉnh về triển khai Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 10/10/2023 của HĐND tỉnh về việc thông qua Đề án đẩy mạnh phân cấp đối với UBND cấp huyện, cấp xã và Cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh; Các Quyết định về tinh gọn bộ máy của tỉnh.	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	Kế hoạch, Quyết định.	Trong năm 2025	
3	Rà soát, xác định nhiệm vụ cụ thể cắt giảm, rút ngắn thời gian giải quyết TTHC cho DN.	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	Văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh	Trong tháng 3/2025	Đã tham mưu UBND tỉnh ban hành các Kế hoạch số 36/KH-UBND ngày 13/02/2025 về việc rà soát, đánh giá TTHC trên địa bàn tỉnh năm 2025; 84/KH-UBND ngày 16/4/2025 thực hiện Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 của Chính phủ về Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa TTHC liên

STT	Nội dung/Công việc cụ thể	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Kết quả/sản phẩm	Thời hạn	Cập nhật tiến độ thực hiện
						quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và 2026 trên địa bàn tỉnh.
4	Tham mưu UBND tỉnh tổ chức hiệu quả các buổi gặp mặt, đối thoại DN; thường xuyên nắm bắt và kịp thời tháo gỡ khó khăn cho DN, nhà đầu tư	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	Hội nghị đối thoại DN định kỳ	Tháng 06 và tháng 12/2025	Sở Tài chính đã có Công văn số 2091/STC-ĐKKD ngày 09/5/2025 và Công văn số 2696/STC-ĐKKD ngày 03/6/2025 triển khai, đơn đốc việc tổng hợp kiến nghị, đề xuất của doanh nghiệp, HTX để chuẩn bị cho Hội nghị Đối thoại doanh nghiệp, HTX định kỳ lần 1 năm 2025.
5	Xây dựng Quy chế phối hợp trao đổi, cung cấp thông tin, số liệu phục vụ xây dựng báo cáo KTXH của tỉnh	Sở Tài chính	Chi cục Thống kê tỉnh, các sở, ngành, đơn vị, UBND cấp huyện	Quy chế của UBND tỉnh	Quý II/2025	Sở Tài chính đã xây dựng Dự thảo theo chức năng nhiệm vụ mới của các cơ quan, đơn vị sau sắp xếp và có Công văn số 2034/STC-TH&QLNS ngày 07/5/2025 lấy ý kiến dự thảo Quyết định QPPL của UBND tỉnh theo quy định.
6	Rà soát kỹ, tính toán đúng, đủ, chính xác các số liệu đầu vào phục vụ xác định chỉ tiêu tăng trưởng từng quý, năm, kịp thời dự báo, đề xuất giải pháp phù hợp để đảm bảo tăng trưởng theo mục tiêu đề ra.	Các sở, ngành, đơn vị, UBND cấp huyện	Chi cục Thống kê, Sở Tài chính	Báo cáo định kỳ	Hàng tháng	Nhiệm vụ thường xuyên. UBND tỉnh đã có văn bản chỉ đạo triển khai tại Công văn số 4068/UBND-KTTH ngày 23/4/2025.
7	Tham mưu sửa đổi Quyết định số 43/2022/QĐ-UBND ngày 22/11/2022 của UBND tỉnh ban hành Quy định về trình tự, trách nhiệm phối hợp giải quyết thủ tục đầu tư và quản lý dự án đầu tư có sử dụng đất trên địa bàn tỉnh.	Sở Tài chính	Các sở, ngành, đơn vị, UBND cấp huyện	Quyết định của UBND tỉnh	Quý III/2025	Ngày 22/5/2025, Sở Tài chính đã có Công văn số 2342/STC-QLĐT gửi lấy ý kiến dự thảo Quyết định thay thế Quyết định số 43/2022/QĐ-UBND và có Tờ trình số 274/TTr-STC ngày 12/6/2025 đăng ký xây dựng VB QPPL của UBND tỉnh.
II	Huy động và sử dụng có hiệu quả nguồn lực					
1	Kế hoạch triển khai các biện pháp xử lý, tháo gỡ khó khăn, vướng	Sở Tài chính	Các sở, ngành, đơn vị, UBND	Kế hoạch của UBND tỉnh	Tháng 3/2025	Sở Tài chính đã lấy ý kiến các đơn vị về Dự thảo Kế hoạch; hiện đang rà soát,

STT	Nội dung/Công việc cụ thể	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Kết quả/sản phẩm	Thời hạn	Cập nhật tiến độ thực hiện
	mắc đối với các dự án đang tồn đọng, chậm triển khai.		cấp huyện			tiếp thu và hoàn thiện Dự thảo.
2	Sớm hoàn thành việc điều chỉnh các loại quy hoạch để phù hợp với Quy hoạch tỉnh	Sở Xây dựng, UBND cấp huyện				Tạm dừng theo đề nghị của UBND cấp huyện; UBND tỉnh thống nhất tại Công văn số 4896/UBND-CN XD ngày 15/5/2025
2.1	Quy hoạch chung thành phố Buôn Ma Thuột giai đoạn đến năm 2045	UBND thành phố BMT tổ chức lập QH	Sở Xây dựng chủ trì phối hợp	Đủ điều kiện và hồ sơ trình BXD thẩm định	Quý IV/2025	Tạm dừng theo đề nghị của UBND TP; UBND tỉnh thống nhất tại Công văn số 4896/UBND-CN XD ngày 15/5/2025
2.2	Quy hoạch chung đô thị Ea Kar giai đoạn đến năm 2045	UBND huyện Ea Kar tổ chức lập quy hoạch	Sở Xây dựng chủ trì phối hợp	Đồ án QH được tổ chức lấy ý kiến.	Quý III/2025	Tạm dừng theo đề nghị của UBND cấp huyện; UBND tỉnh thống nhất tại Công văn số 4896/UBND-CN XD ngày 15/5/2025
2.3	Đồ án điều chỉnh tổng thể quy hoạch chung các thị trấn: Krông K'mar; Quảng Phú; Ea Drăng; giai đoạn đến năm 2040	UBND huyện: Krông Bông; Cư M'gar; Ea H'leo	Sở Xây dựng chủ trì thẩm định	Quy hoạch chung thị trấn được phê duyệt	Quý III/2025	Tạm dừng theo đề nghị của UBND cấp huyện; UBND tỉnh thống nhất tại Công văn số 4896/UBND-CN XD ngày 15/5/2025
2.4	Quy hoạch chung các đô thị mới: Trung Hòa; Phú Xuân; Ea Phê; Dray Bhang; huyện lỵ Buôn Đôn; huyện lỵ Krông Buk giai đoạn đến năm 2040	UBND các huyện; các cơ quan được giao tổ chức lập QH	Sở Xây dựng chủ trì thẩm định	Quy hoạch chung đô thị mới được phê duyệt	Quý III/2025	Tạm dừng theo đề nghị của UBND cấp huyện; UBND tỉnh thống nhất tại Công văn số 4896/UBND-CN XD ngày 15/5/2025
2.5	Quy hoạch xây dựng vùng huyện (giai đoạn đến năm 2045 các huyện: Krông Pắc; Cư Kuin; Krông Buk	UBND các huyện Krông Pắc; Cư Kuin; Krông Buk	Sở Xây dựng chủ trì thẩm định	Quy hoạch chung đô thị mới được phê duyệt	Quý III/2025	Tạm dừng theo đề nghị của UBND cấp huyện; UBND tỉnh thống nhất tại Công văn số 4896/UBND-CN XD ngày 15/5/2025
2.6	Rà soát điều chỉnh tổng thể; lập mới Quy hoạch phân khu đô thị thành phố Buôn Ma Thuột, thị xã Buôn Hồ	UBND thành phố Buôn Ma Thuột; thị xã Buôn Hồ	Sở Xây dựng chủ trì thẩm định	Chỉ tiêu phù QHPK: Tp BMT $\geq 80\%$; TX BH $\geq 50\%$	Quý III/2025	Tạm dừng theo đề nghị của UBND cấp huyện; UBND tỉnh thống nhất tại Công văn số 4896/UBND-CN XD ngày 15/5/2025
2.7	Quy hoạch chung xây dựng xã thuộc các huyện trên địa bàn tỉnh	UBND các huyện	Sở Xây dựng tham gia ý	Trên 95% QHC XD xã	Quý II/2025	Thực hiện theo chỉ đạo của UBND tỉnh tại Công văn số 4896/UBND-CN XD

STT	Nội dung/Công việc cụ thể	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Kết quả/sản phẩm	Thời hạn	Cập nhật tiến độ thực hiện
	<i>giai đoạn 2021-2035</i>		kiến trước khi phê duyệt	được phê duyệt		ngày 15/5/2025
3	Khẩn trương tháo gỡ khó khăn, vướng mắc về đất đai, đất có nguồn gốc từ nông lâm trường, sớm phê duyệt phương án sử dụng đất nông lâm trường bàn giao về địa phương quản lý.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	UBND cấp huyện và các cơ quan, đơn vị liên quan			Ngày 10/4/2025, UBND tỉnh đã ban hành Công văn số 3466/UBND-NNMT chỉ đạo các nội dung liên quan để đẩy nhanh tiến độ lập, phê duyệt PA SDD đối với đất có nguồn gốc các nông, lâm trường bàn giao về địa phương quản lý. Đến nay, UBND tỉnh đã phê duyệt PA SDD do UBND huyện Ea Súp lập đối với diện tích 21.889,74 ha đất tại xã Cư M'lan, xã Ea Bung, xã Ya Tờ Mốt và xã Ia R'vê, huyện Ea Súp (Quyết định số 904/QĐ-UBND ngày 18/4/2025). Về phương án sử dụng đất của các Công ty nông, lâm nghiệp: UBND tỉnh đã phê duyệt PA SDD của Công ty TNHH 2TV Lâm nghiệp Phước An. Tổ chức họp thẩm định đối với Phương án sử dụng đất của Công ty TNHH Cao su và Lâm nghiệp Phước Hoà - Đắk Lắk, hiện đang hoàn thiện Thông báo thẩm định để Công ty hoàn thiện hồ sơ.
4	Theo dõi, kịp thời tham mưu điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 – 2025 đảm bảo bố trí đủ, dứt điểm các dự án đầu tư công thuộc Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 – 2025.	Sở Tài chính	Các Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	Nghị quyết của HĐND tỉnh	Quý II/2025	Sở Tài chính đã trình HĐND tỉnh thông qua Nghị quyết điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn ngân sách địa phương tại Kỳ họp Chuyên đề lần thứ 18 và tiếp tục rà soát, trình HĐND tỉnh thông qua Nghị quyết điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 tại kỳ họp giữa năm 2025.

STT	Nội dung/Công việc cụ thể	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Kết quả/sản phẩm	Thời hạn	Cập nhật tiến độ thực hiện
5	Giải ngân đạt 100% kế hoạch đầu tư công năm 2025 các nguồn vốn. Đẩy nhanh tiến độ thực hiện các công trình, dự án trọng điểm như: Hồ Thủy lợi Ea Tam, Đường Tôn Đức Thắng, đường Tránh phía Đông, Tỉnh lộ 1...; hoàn thành tuyến cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuật đúng tiến độ kế hoạch.	UBND cấp huyện và các cơ quan, đơn vị liên quan, các chủ đầu tư	Sở Tài chính theo dõi, tổng hợp	Báo cáo tiến độ giải ngân vốn ĐTC và tiến độ thực hiện các công trình trọng điểm	Hàng tháng	Đến ngày 31/5/2025, giải ngân đạt 1.739/6.862 tỷ đồng, đạt 25,3% KH. Nếu tính theo số vốn trung ương giao theo số liệu báo cáo của Bộ Tài chính đạt 28,2% KH, cao hơn trung bình chung cả nước 4,1% (Bình quân chung cả nước là 24,1%).
III Đẩy mạnh và làm mới các động lực tăng trưởng truyền thống						
1	Làm việc với các huyện và các nhà máy trên địa bàn tỉnh theo kế hoạch khảo sát thực tế, nắm tình hình và tìm biện pháp thúc đẩy phát triển sản xuất công nghiệp trên địa bàn tỉnh năm 2025. Tổng hợp báo cáo kết quả khảo sát và đề xuất các giải pháp tháo gỡ khó khăn vướng mắc đối với hoạt động CCN, dự án đầu tư công nghiệp trọng điểm.	Sở Công Thương	Các Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	Báo cáo kết quả	Tháng 5/2025	Sở Công Thương đã ban hành Kế hoạch số 299/KH-SCT ngày 19/02/2025 về khảo sát thực tế, nắm tình hình và tìm biện pháp thúc đẩy phát triển sản xuất công nghiệp trên địa bàn tỉnh năm 2025. Đã tổ chức các đoàn khảo sát làm việc với các doanh nghiệp sản xuất công nghiệp và có Báo cáo số 73/BC-SCT ngày 23/5/2025 về kết quả khảo sát thực tế, nắm bắt tình hình, thúc đẩy phát triển sản xuất công nghiệp trên địa bàn tỉnh, theo đó đề nghị UBND tỉnh xem xét, chỉ đạo để triển khai thực hiện. Hiện Sở đang triển khai rà soát các nội dung kiến nghị, đề xuất theo chỉ đạo của UBND tỉnh tại Công văn số 6149/UBND-CNXD ngày 11/6/2025.
2	Đánh giá tình hình triển khai Nghị quyết số 04/2020/NQ-HĐND ngày 08/7/2020 của HĐND tỉnh về Chương trình hỗ trợ đầu tư hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, giai đoạn 2021-2030 và lập hồ sơ đề xuất chủ	Sở Công Thương	Các Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	Báo cáo của UBND tỉnh	Tháng 3/2025	Sở Công Thương đã xây dựng Báo cáo số 48/BC-SCT ngày 02/4/2025 đánh giá thực trạng về đầu tư phát triển hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh và trình UBND tỉnh đề nghị xây dựng xây dựng Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định chính sách hỗ trợ đầu tư

STT	Nội dung/Công việc cụ thể	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Kết quả/sản phẩm	Thời hạn	Cập nhật tiến độ thực hiện
	trường xây dựng Nghị quyết thay thế Nghị quyết số 04/2020/NQ-HĐND.					xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh. Đến ngày 23/5/2025, UBND tỉnh đã có Công văn số 5301/UBND-CN XD về việc tạm dừng thực hiện đăng ký xây dựng Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật CCN.
3	Đánh giá, rà soát, đề xuất các dự án năng lượng mới tiềm năng để phục vụ cho nhiệm vụ điều chỉnh bổ sung Quy hoạch điện VIII trên địa bàn tỉnh theo Quyết định số 1710/QĐ-TTg ngày 31/12/2024 của Thủ tướng Chính phủ	Sở Công Thương	Các Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện		Quý I/2025	Sở Công Thương đã tham mưu UBND tỉnh đề xuất danh mục các dự án nguồn và lưới điện đồng bộ để cập nhập trong Điều chỉnh quy hoạch điện VIII tại văn bản số 441/SCT-QLNL ngày 10/3/2025.
4	Tham mưu UBND tỉnh lựa chọn đơn vị tư vấn xây dựng Báo cáo tiềm khả thi các dự án đầu tư năng lượng (Nhà máy điện gió Ea sin 1; Nhà máy điện gió Krông Búk 3; Nhà máy điện gió Thuận Phong Đắc Lắc; Nhà máy điện gió Tân Lập - Ea Hồ; Nhà máy điện gió Krông Năng 1.1, 1.2; Nhà máy điện gió NT1, NT2; Nhà máy điện gió Ea Sin)	Sở Công Thương			Quý II/2025	Thực hiện Quyết định số 1022/QĐ-UBND ngày 07/5/2025 của UBND tỉnh về việc giao tổ chức lập Báo cáo nghiên cứu tiềm khả thi các dự án điện gió trên địa bàn tỉnh, Sở Công Thương đã chỉ định thầu gói thầu: Tư vấn xây dựng đề cương nhiệm vụ và dự toán kinh phí lập Báo cáo nghiên cứu tiềm khả thi 08 dự án điện gió trên địa bàn tỉnh Đắc Lắc. Hiện Sở đang khẩn trương phối hợp với đơn vị tư vấn hoàn thành việc lập đề cương, nhiệm vụ và dự toán kinh phí để triển khai việc lựa chọn đơn vị tư vấn lập Báo cáo nghiên cứu tiềm khả thi 08 dự án điện gió trên địa bàn tỉnh.
5	Xây dựng kế hoạch tiến độ kêu gọi các nhà đầu tư thực hiện các dự án năng lượng đã có trong Quy hoạch tỉnh.	Sở Công Thương			Quý II/2025	Đang triển khai.
6	Rà soát, bổ sung các dự án năng	UBND các	Sở Công		Thường	Tiếp tục thực hiện.

STT	Nội dung/Công việc cụ thể	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Kết quả/sản phẩm	Thời hạn	Cập nhật tiến độ thực hiện
	lượng đã kêu gọi đầu tư vào quy hoạch sử dụng đất cấp huyện đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất hàng năm	huyện, thị xã, thành phố	Thương		xuyên	
7	Theo dõi, phối hợp và cập nhật tình hình tháo gỡ các khó khăn vướng mắc cho các dự án năng lượng tái tạo đã và đang xây dựng để sớm đưa vào vận hành phát điện tạo thêm giá trị sản xuất công nghiệp (04 dự án với tổng công suất 200 MW tại huyện Krông Búk). Theo dõi, cập nhật tình hình hoạt động của các dự án nhà máy thủy điện, điện gió, điện mặt trời trên địa bàn tỉnh	Sở Công Thương			Định kỳ hàng tháng	Tiếp tục thực hiện, định kỳ tổng hợp tại cáo cáo tình hình sản xuất công nghiệp và thương mại của Sở Công Thương.
8	Thực hiện kiểm tra, giám sát về đảm bảo an toàn hồ đập thủy điện trong mùa mưa bão năm 2025.	Sở Công Thương			Quý III/2025	Đang triển khai
9	Nghiên cứu, đề xuất giải pháp phát triển thương mại điện tử, đẩy mạnh ứng dụng giao dịch điện tử, hợp đồng điện tử an toàn trong hoạt động thương mại trên cơ sở hoạt động chứng thực hợp đồng điện tử.				Thường xuyên	Đang triển khai
10	Xây dựng kế hoạch tổ chức khảo sát, đánh giá, để triển khai mô hình thanh toán không dùng tiền mặt.	Sở Công Thương			Tháng 4/2025	Ngày 29/4/2025, Sở Công Thương đã ban hành Kế hoạch số 777/KH-SCT tổ chức Ngày chuyển đổi số và ứng dụng thanh toán không tiền mặt trong thương mại điện tử 2025.

STT	Nội dung/Công việc cụ thể	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Kết quả/sản phẩm	Thời hạn	Cập nhật tiến độ thực hiện
11	Lập danh sách các sản phẩm, hàng hóa ¹ được sản xuất trên địa bàn tỉnh nhằm giới thiệu, quảng bá đến tổ chức, cá nhân và người tiêu dùng biết, để có sự lựa chọn phù hợp với nhóm sản phẩm cùng loại, gắn với việc tổ chức Cuộc vận động <i>Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam</i>	Sở Công Thương			Tháng 4/2025	Ngày 21/3/2025, Sở Công Thương đã ban hành văn bản số 521/SCT-QLTM về việc hỗ trợ kết nối, tiêu thụ sản phẩm nông sản, chủ lực của tỉnh. Trong đó, đã lập danh sách các sản phẩm công nghiệp chủ lực của tỉnh và đề nghị Sở Công Thương các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các doanh nghiệp phân phối quan tâm hỗ trợ kết nối, tiêu thụ và mở rộng thị trường các sản phẩm của tỉnh Đắk Lắk.
12	Theo dõi, cập nhật tình hình, diễn biến hoạt động xuất, nhập khẩu, sản lượng, số lượng các mặt hàng xuất khẩu. Thông tin kịp thời cho các doanh nghiệp xuất, nhập khẩu trên địa bàn tỉnh về những diễn biến của thị trường xuất khẩu để kịp thời điều chỉnh kế hoạch sản xuất, kinh doanh phù hợp	Sở Công Thương			Định kỳ hàng tháng	Tiếp tục thực hiện, định kỳ tổng hợp tại cáo cáo tình hình sản xuất công nghiệp và thương mại của Sở Công Thương.
13	Tổ chức tham gia 05 hội chợ, hoạt động giao dịch thương mại quốc tế.	Sở Công Thương			Năm 2025	Đang triển khai thực hiện theo theo Chương trình số 87/CTr-SCT ngày 14/01/2025 của Sở Công Thương.
14	Xây dựng kế hoạch làm việc với các doanh nghiệp xuất khẩu trên địa bàn tỉnh nhằm hỗ trợ phát triển thị trường, nắm bắt khó khăn vướng mắc trong hoạt động xuất khẩu	Sở Công Thương			Tháng 3/2025	- Sở Công Thương đã ban hành Kế hoạch số 583/KH-SCT ngày 31/03/2025 về làm việc với các doanh nghiệp xuất khẩu trên địa bàn tỉnh nhằm hỗ trợ phát triển thị trường, nắm bắt khó khăn vướng mắc trong hoạt động xuất khẩu. - Sở Công Thương đã đăng ký, tổ chức làm việc 02 đợt với 12 doanh nghiệp có

¹ Các sản phẩm, hàng hóa được sản xuất trên địa bàn tỉnh (như: các sản phẩm của Nhà máy bia Sài Gòn; các sản phẩm thép; nhóm sản phẩm Ocop; nhóm sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu; nhóm sản phẩm gạch không nung; nhóm sản phẩm về cà phê chế biến,...)

STT	Nội dung/Công việc cụ thể	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Kết quả/sản phẩm	Thời hạn	Cập nhật tiến độ thực hiện
						hoạt động xuất khẩu trên địa bàn tỉnh.
15	Tổ chức phổ biến, tuyên truyền các hiệp định thương mại tự do (FTA) cho các doanh nghiệp	Sở Công Thương			Năm 2025	Đang triển khai
16	Đăng cai Liên hoan cán bộ Thư viện, tuyên truyền phát triển văn hoá đọc và giới thiệu sách giới thiệu sách - Kỷ niệm các ngày Lễ lớn và sự kiện lịch sử quan trọng của đất nước trong năm 2025, Chủ đề: “Bản hùng ca đất nước”.	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Vụ Thư viện, Bộ VH TTDL		Ngày 26/5 đến 30/5/2025	Hoàn thành với hơn 1.000 cán bộ thư viện thuộc 33 đoàn tham dự Liên hoan với 37 tác phẩm, kết thúc Ban tổ chức trao 6 giải xuất sắc, 8 giải nhất, 9 giải nhì, 10 giải ba và 4 giải chuyên đề cho các đội dự thi.
17	Đăng cai tổ chức Liên hoan Âm nhạc ASEAN - 2025.	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Cục Nghệ thuật biểu diễn		Dự kiến tổ chức tháng 8/2025	Ngày 10/06/2025, Sở đã ban hành Công văn số 1493/SVHTTDL-QLVHGĐ về kinh phí tổ chức Liên hoan âm nhạc ASEAN gửi UBND tỉnh. Hiện nay đang chờ ý kiến chỉ đạo.
18	Đăng cai Tổ chức ngày Hội Gia đình Việt Nam	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Vụ Gia đình		Ngày 26 đến 28/6/2025	Ngày 09/06/2025 Sở VH TTDL đã ban hành Tờ trình số 146/TTr-SVHTTDL đề nghị ban hành Kế hoạch phối hợp tổ chức “Ngày hội Gia đình Việt Nam năm 2025”.
19	Tổ chức các hoạt động Tổng kết 50 năm nền văn học, nghệ thuật Việt Nam sau ngày đất nước thống nhất (30/4/1975 - 30/4/2025): Tổ chức trưng bày chuyên đề “Sắc màu văn hóa Đắk Lắk”; Tổ chức giao lưu văn hóa, văn nghệ với tỉnh Mondulkiri, Vương quốc Campuchia với chủ đề “Thăm tình biên cương”.	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Tỉnh Mondulkiri, Campuchia; UBND Ea Súp, Buôn Đôn; BCH quân sự tỉnh; BCH BDBP tỉnh; VP UBND tỉnh.		Tháng 5/2025	Sở VH TTDL đã ban hành Kế hoạch số 134/KH-SVHTTDL về việc tổ chức các hoạt động tổng kết 50 năm nền văn học, nghệ thuật Việt Nam sau ngày đất nước thống nhất (30/4/1975 - 30/4/2025). Đã hoàn thành.
20	Tổ chức Liên hoan văn hoá công nghệ tỉnh Đắk Lắk năm 2025	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	UBND các huyện, thị xã, thành phố		Tháng 11/2025	Đề nghị chuyển từ tháng 9/2025 sang tháng 11/2025 để các đơn vị sau khi thực hiện chính quyền 2 cấp có thời

STT	Nội dung/Công việc cụ thể	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Kết quả/sản phẩm	Thời hạn	Cập nhật tiến độ thực hiện
						gian tập luyện đảm bảo chất lượng khi tham gia.
21	Tổ chức hoạt động quảng bá văn hoá, nghệ thuật Tây Nguyên tại Hà Nội	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Sở Văn hoá, Thể thao Hà Nội			Đã hoàn thành
22	Tham mưu Kế hoạch Phát động Chương trình kích cầu du lịch năm 2025 “Người Đắk Lắk đi du lịch Đắk Lắk”, “Người Việt Nam đi du lịch Đắk Lắk”.	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	- Hiệp hội Du lịch Đắk Lắk - Các đơn vị kinh doanh du lịch	Kế hoạch của UBND tỉnh	Tháng 4/2025	Sở VH TTDL đã xây dựng Kế hoạch số 77/KH-SVH TTDL ngày 30/4/2025.
23	Tham mưu phối hợp tổ chức sự kiện “Ngày Văn hóa, Du lịch Ninh Thuận và Đắk Lắk năm 2025”	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	- Sở VH TTDL Ninh Thuận; - Hiệp hội Du lịch Đắk Lắk - Các đơn vị kinh doanh du lịch			Sở VH TTDL đề xuất đưa ra khỏi kế hoạch
24	Phối hợp với 5 tỉnh liên kết mời các đơn vị lữ hành của thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh Đồng bằng Sông Cửu Long đến khảo sát sản phẩm du lịch, dịch vụ tại tỉnh Đắk Lắk.	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Sở VH TTDL, Sở Du lịch: Tp. HCM, Bình Định, Gia Lai, Quảng Ngãi, Kon Tum, Phú Yên.		Quý II/2025	Sở VH TTDL đề xuất đưa ra khỏi kế hoạch
25	Mời Sở VH TTDL và các doanh nghiệp du lịch Nghệ An khảo sát và tham dự Hội nghị tổng kết đánh giá kết quả thực hiện liên kết phát triển du lịch và ký văn bản liên kết hợp tác phát triển văn hóa, thể thao và du lịch giai đoạn 2025-2030.	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Sở Văn hóa TTDL Nghệ An; Hiệp hội Du lịch Đắk Lắk; Các đơn vị kinh doanh du lịch.		Quý II/2025	Sở VH TTDL đề xuất đưa ra khỏi kế hoạch
26	Tham mưu tổ chức Hội nghị tổng kết đánh giá kết quả triển khai	Sở Văn hóa, Thể thao và	Sở VH TTDL 06 tỉnh; Hiệp		Quý III/2025	Sở VH TTDL đề xuất đưa ra khỏi kế hoạch

STT	Nội dung/Công việc cụ thể	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Kết quả/sản phẩm	Thời hạn	Cập nhật tiến độ thực hiện
	Chương trình hợp tác phát triển du lịch 06 tỉnh Bình Định - Đắk Lắk - Gia Lai - Quảng Ngãi - Kon Tum - Phú Yên năm 2025	Du lịch	hội Du lịch Đắk Lắk; Các đơn vị kinh doanh du lịch			
27	Tổ chức khảo sát phát triển sản phẩm du lịch (nông nghiệp, nông thôn, cộng đồng, làng nghề, OCOP...) để phát triển sản phẩm du lịch mới (Triển khai thực hiện Kế hoạch triển khai Đề án phát triển du lịch sinh thái nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới tỉnh Đắk Lắk đến năm 2025, định hướng đến năm 2035	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Hiệp hội du lịch; UBND các huyện, thị xã, thành phố; Các đơn vị kinh doanh du lịch		Quý III/2025	Đang dự thảo kế hoạch
28	Văn bản chỉ đạo các tổ chức tín dụng: (i) Chấp hành nghiêm các quy định, chỉ đạo của NHNN về lãi suất, tiền tệ, ngoại hối, hoạt động ngân hàng và các chỉ tiêu được giao; các biện pháp theo hướng dẫn của Hội sở để ổn định mặt bằng lãi suất; (ii) Đẩy mạnh triển khai các chương trình tín dụng theo chỉ đạo của Chính phủ, TTCP; (iii) Kiểm soát rủi ro đối với hoạt động kinh doanh tại các PGD đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật và chỉ đạo của NHNN về hoạt động huy động vốn, hoạt động cấp tín dụng, hoạt động cung ứng các sản phẩm dịch vụ ngân hàng.	Ngân hàng Nhà nước – Chi nhánh Khu vực 11		Văn bản chỉ đạo triển khai	Đã hoàn thành	Kế hoạch số 128/KH-ĐAL ngày 07/02/2025 của NHNN chi nhánh tỉnh
29	Theo dõi, nắm bắt tình hình cấp tín dụng đối với các ngành, lĩnh vực trên địa bàn tỉnh, đặc biệt là tín	Ngân hàng Nhà nước – Chi nhánh	Các tổ chức tín dụng		Thường xuyên	Đang triển khai

STT	Nội dung/Công việc cụ thể	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Kết quả/sản phẩm	Thời hạn	Cập nhật tiến độ thực hiện
	dụng đối với lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro; giám sát chặt chẽ tình hình huy động vốn và diễn biến lãi suất trên địa bàn.	Khu vực 11				
30	Tổ chức triển khai, thực hiện hiệu quả kế hoạch thanh tra, giám sát năm 2025 của NHNN Khu vực 11	Ngân hàng Nhà nước – Chi nhánh Khu vực 11		Báo cáo kết quả thanh tra, giám sát	Quý IV/2025	Đang triển khai
31	Theo dõi, nắm bắt tình hình KTXH và hoạt động ngân hàng trên địa bàn để kịp thời phối hợp triển khai các chính sách, chương trình tín dụng phù hợp, các chương trình tín dụng theo chỉ đạo của Chính phủ, TTCP.	Ngân hàng Nhà nước – Chi nhánh Khu vực 11	Các Sở, ban ngành, UBND cấp huyện	Văn bản phối hợp báo cáo, tham mưu triển khai nhiệm vụ.	Thường xuyên	Đang triển khai
IV	Thu hút, hình thành các sản phẩm, động lực tăng trưởng mới					
1	Tập trung thực hiện các giải pháp để bổ sung phần tăng thêm đối với chỉ tiêu huy động vốn đầu tư toàn xã hội.	Các sở, ban, ngành	Chi Cục Thống kê, Sở Tài chính	Đạt chỉ tiêu tổng vốn đầu tư toàn xã hội	Trong năm 2025	Tiến độ tháo gỡ vướng mắc cho các dự án chi tiết tại Phụ lục 4 kèm theo.
2	Tham mưu xây dựng, ban hành các văn bản triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban ngành, UBND cấp huyện	Chương trình của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Kế hoạch của UBND tỉnh	Đã hoàn thành	Tỉnh ủy, UBND tỉnh đã ban hành các chương trình hành động, kế hoạch để cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ của Nghị quyết 57: Chương trình số 61-CTr/TU ngày 25/02/2025 về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về “Đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia”. UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 49/KH-UBND ngày 28/02/2025 về việc thực hiện Nghị quyết số 03/NQ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ và Chương trình số 61-CTr/TU ngày

STT	Nội dung/Công việc cụ thể	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Kết quả/sản phẩm	Thời hạn	Cập nhật tiến độ thực hiện
						25/02/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy. Trong đó, xác định các chỉ tiêu cụ thể đến năm 2030 và 2045.
3	Ban hành các cơ chế chính sách thúc đẩy hoạt động KH&CN ĐMST và CDS với doanh nghiệp. Kiến nghị, đề xuất hoàn thiện thể chế, đưa thể chế thành một lợi thế cạnh tranh trong phát triển KHCN, ĐMST và CDS.			Văn bản kiến nghị, đề xuất	Quý IV/2025	
4	Xây dựng công tác phát triển, trọng dụng nguồn nhân lực chất lượng cao, nhân tài đáp ứng yêu cầu phát triển KHCN ĐMST và CDS quốc gia.			Văn bản triển khai	Thường xuyên	
5	Tăng cường đầu tư, hoàn thiện hạ tầng cho KH&CN ĐMST và CDS quốc gia.			Các đề tài ứng dụng KH&CN.	Thường xuyên	
6	Đẩy mạnh đổi mới sáng tạo, phong trào khởi nghiệp sáng tạo, nâng cao năng lực hệ sinh thái khởi nghiệp của tỉnh.	Sở Tài chính	Sở Khoa học và Công nghệ, Trung tâm ĐMST tỉnh, các đơn vị liên quan	Các Hội nghị, Hội thảo, chương trình đào tạo, tập huấn,...	Trong năm 2025	Đang triển khai theo Kế hoạch của UBND tỉnh.
7	Hạ tầng mạng băng rộng cáp quang phủ trên 90% hộ gia đình, 100% xã.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Các văn bản triển khai	Quý IV	Hiện nay hạ tầng mạng băng rộng cáp quang phủ khoảng 85% hộ gia đình và cung cấp đến 100% xã, phường
8	Phổ cập dịch vụ mạng di động 4G/5G.			Các văn bản triển khai	Quý IV	Hiện nay đã phủ sóng 4G đạt 99%, phủ sóng 5G đạt 25%; Dự kiến đến Quý IV phủ sóng 5G đến người dân đạt trên 60%. Sở đã tham mưu văn bản rà soát, cung cấp danh sách các thôn, buôn còn lõm sóng di động.

STT	Nội dung/Công việc cụ thể	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Kết quả/sản phẩm	Thời hạn	Cập nhật tiến độ thực hiện
9	Triển khai thí điểm các nền tảng chuyển đổi số cho doanh nghiệp.			Các văn bản triển khai	Quý IV	Đang tham mưu triển khai
10	Triển khai các nhiệm vụ thuộc kế hoạch phát triển thương mại điện tử tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2021-2025.			Các văn bản triển khai	Quý IV	Xây dựng và nâng cấp hạ tầng viễn thông, công nghệ thông tin để đáp ứng và đảm bảo nhu cầu phát triển của hoạt động thương mại điện tử. Đẩy mạnh các dịch vụ logistics, vận tải... hỗ trợ tối đa cho sự phát triển của thương mại điện tử ở địa phương.
11	Triển khai các chương trình, kế hoạch hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ số.			Các văn bản triển khai	Trong năm 2025	Đang tham mưu triển khai
12	Duy trì Kho dữ liệu điện tử trực tuyến của người dân, tổ chức đảm bảo việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh.			Các văn bản triển khai	Trong năm 2025	Tiếp tục duy trì Kho dữ liệu điện tử trực tuyến của người dân, tổ chức đảm bảo việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh
13	Nâng cấp Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh (Hệ thống iGate).			Hệ thống iGate (Phiên bản 2.0)	Quý II/2025	Đã hoàn thành thực hiện nâng cấp, triển khai Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Đắk Lắk phiên bản 2.0 (Văn bản số 204/CV-VNPT-DLK-CNTT ngày 24/01/2025 v/v kết quả triển khai hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Đắk Lắk phiên bản 2.0)
B NHIỆM VỤ ĐỀ XUẤT BỔ SUNG						
1	Tham mưu tổ chức Hội chợ Du lịch - Âm thực tỉnh Đắk Lắk năm 2025	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Đơn vị tổ chức sự kiện; Hiệp hội Du lịch Đắk Lắk; các đơn vị kinh doanh du lịch		Dự kiến Tháng 9/2025	Bổ sung mới vào Kế hoạch. Ngày 10/6/2025 tổ chức họp lấy ý kiến góp ý dự thảo để hoàn thiện ban hành
2	Tham gia gian hàng trưng bày sản	Sở Văn hóa,	Hiệp hội Du		Dự kiến	Bổ sung mới vào Kế hoạch. Hiện đang

STT	Nội dung/Công việc cụ thể	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Kết quả/sản phẩm	Thời hạn	Cập nhật tiến độ thực hiện
	phẩm du lịch, văn hóa, OCOP và tổ chức Chương trình quảng bá, xúc tiến du lịch tại Hội chợ Du lịch Quốc tế ITE HCM 2025	Thể thao và Du lịch	lịch Đắk Lắk; các xã phường; các đơn vị kinh doanh du lịch		Tháng 9/2025	thống nhất ý kiến Ban Tổ chức Hội chợ (dự thảo kế hoạch).
3	Xây dựng và triển khai Kế hoạch nâng cao chất lượng cơ sở lưu trú du lịch; cơ sở kinh doanh ăn uống, mua sắm đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Hiệp hội Du lịch Đắk Lắk; các đơn vị kinh doanh du lịch		Quý II, III, IV/2025	Bổ sung mới vào Kế hoạch. Ban hành Kế hoạch số 102/KH-SVHTTDL ngày 04/6/2025, đang tiếp tục triển khai
4	Tuyên truyền ứng xử văn minh du lịch; bảo vệ môi trường du lịch, bảo vệ voi nhà, bảo tồn nghề truyền thống để phát triển du lịch bền vững	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Hiệp hội Du lịch Đắk Lắk; các xã phường; các đơn vị kinh doanh khu, điểm du lịch		Dự kiến Quý III/2025	Bổ sung mới vào Kế hoạch. Đang dự thảo Kế hoạch.
5	Tham mưu tổ chức Hội nghị tổng kết đánh giá kết quả thực hiện liên kết phát triển du lịch với các tỉnh, thành phố giai đoạn 2019 – 2025 và ký kết hợp tác phát triển du lịch giai đoạn 2025 - 2030.	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Hiệp hội Du lịch Đắk Lắk; Sở VHTTDL, Sở DL các tỉnh, thành phố đã ký kết.		Dự kiến Quý IV/2025	Bổ sung mới vào Kế hoạch
6	Tham mưu mời các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành các tỉnh, thành phố đến khảo sát sản phẩm du lịch để xây dựng chương trình, tour đưa khách đến với Đắk Lắk	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Hiệp hội Du lịch Đắk Lắk; Sở VHTTDL, Sở DL các tỉnh, thành phố.		Dự kiến Quý IV/2025	Bổ sung mới vào Kế hoạch

Phụ lục IV

TIẾN ĐỘ TRIỂN KHAI CÁC DỰ ÁN TẠO NGUỒN LỰC TĂNG THÊM ĐỂ ĐẠT TĂNG TRƯỞNG 8%

(Kèm theo Báo cáo số 192/BC-UBND ngày 19/6/2025 của UBND tỉnh)

STT	Dự án	Cơ quan chủ trì theo dõi, tham mưu	Tiến độ triển khai thực hiện	Khó khăn, vướng mắc	Ghi chú
I	Nhóm các dự án đầu tư ngoài ngân sách tại Kế hoạch số 59				
1	08 dự án đầu tư xây dựng công trình năng lượng trong quy hoạch điện VIII	Sở Công Thương	Thực hiện Quyết định số 1022/QĐ-UBND ngày 07/5/2025 của UBND tỉnh, Sở Công Thương đã chỉ định thầu gói thầu: Tư vấn xây dựng đề cương nhiệm vụ và dự toán kinh phí lập Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi 08 dự án này và đang hoàn thiện lập đề cương, nhiệm vụ và dự toán kinh phí để triển khai việc lựa chọn đơn vị tư vấn lập Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi. Hiện nay, Sở Công Thương đang khẩn trương phối hợp với đơn vị tư vấn hoàn thành việc lập đề cương, nhiệm vụ và dự toán kinh phí để triển khai việc lựa chọn đơn vị tư vấn lập Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi 08 dự án điện gió trên địa bàn tỉnh.		
2	Đưa vào vận hành 04 dự án điện gió (Cư Né 1, Cư Né 2, Krông Búk 1, Krông Búk 2) với tổng công suất 200 MW	Sở Công Thương; Sở Nông nghiệp và Môi trường	04 dự án hoàn thành 100% xây dựng, lắp đặt thiết bị. Ngày 04/4/2025, UBND tỉnh đã có Quyết định điều chỉnh tiến độ 03 DA (Cư Né 1, Krông Búk 1, Krông Búk 2) tại Quyết định số 817/QĐ-UBND - 04/04/2025; 816/QĐ-UBND - 04/04/2025; 815/QĐ-UBND - 04/04/2025. Sở NNMT đã trình UBND tỉnh xem xét, cho thuê đất đối với 04 dự án nêu trên.		
3	Dự án Điện lực (Đường dây 110kV, 220kV,	Sở Công Thương	Ngày 23/5/2025, Sở Tài chính đã báo cáo UBND tỉnh về quá trình thẩm định 03 đề xuất dự án Trạm biến áp 110kV, 500kV và	Các dự án chưa phù hợp với quy hoạch sử dụng đất của địa phương, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng nông thôn	

STT	Dự án	Cơ quan chủ trì theo dõi, tham mưu	Tiến độ triển khai thực hiện	Khó khăn, vướng mắc	Ghi chú
	500kV)		đầu nối trên địa bàn tỉnh. UBND tỉnh đã có Công văn số 5931/UBND-KTTH ngày 05/6/2025 chỉ đạo các cơ quan, đơn vị đẩy nhanh tiến độ thực hiện chủ trương đầu tư các dự án lưới điện do Điện lực đầu tư trên địa bàn tỉnh.		
4	Dự án lĩnh vực chăn nuôi	Sở Tài chính; Sở Nông nghiệp và Môi trường	Ngày 21/3/2025, UBND tỉnh đã có Công văn số 2676/UBND-NNMT hướng dẫn áp dụng quy định của Luật Đất đai năm 2024 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Đất đai năm 2024 đối với việc triển khai các dự án đầu tư trang trại chăn nuôi trên địa bàn tỉnh. Trong đó: Giao UBND cấp huyện rà soát cụ thể ranh giới từng dự án trong Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của cấp huyện, xác định quy hoạch là đất chăn nuôi tập trung hay đất nông nghiệp khác, có ý kiến gửi Sở Tài chính để xem xét đề xuất dự án đầu tư và gửi Sở NNMT để giải quyết thủ tục đất đai đối với dự án. Đề nghị UBND các huyện, thị xã, thành phố khẩn trương thực hiện theo chỉ đạo của UBND tỉnh tại Công văn số 2676/UBND-NNMT ngày 21/3/2025.		
4.1	Trang trại chăn nuôi heo nái Ea Huar		Nhà đầu tư đã nộp lại hồ sơ đề xuất dự án. Hiện Sở Tài chính đang lấy ý kiến các sở, ngành liên quan. Về thủ tục đất đai của dự án (thủ tục nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất để thực hiện dự án): Sở NNMT đã lấy ý kiến của UBND huyện Buôn Đôn đối với đề nghị chấp thuận nhận góp vốn bằng quyền sử	Nhà đầu tư chưa thực hiện được thủ tục biến động đất đai (biến động thông tin về người sử dụng đất do người sử dụng đất thực hiện góp vốn bằng quyền sử dụng đất) do có sự thay đổi về quy định của Luật Đất đai 2024 so với Luật đất đai năm 2013 tại thời điểm chấp thuận chủ trương/thẩm định Dự án.	

STT	Dự án	Cơ quan chủ trì theo dõi, tham mưu	Tiến độ triển khai thực hiện	Khó khăn, vướng mắc	Ghi chú
			dụng đất để thực hiện dự án đầu tư.		
4.2	Trang trại chăn nuôi lợn nái HTC		Hiện Sở Tài chính đã có văn bản hướng dẫn NĐT nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công theo quy định.	Chưa có cơ sở đánh giá sự phù hợp của Dự án với quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 cấp huyện đã được UBND tỉnh phê duyệt, do Luật Đất đai 2024 và các Nghị định hướng dẫn thi hành không có quy định chuyển tiếp, hướng dẫn xử lý về xác định, điều chỉnh chỉ tiêu, ký hiệu loại đất chăn nuôi tập trung trên bản đồ quy hoạch sử dụng đất cấp huyện đã phê duyệt theo Luật Đất đai năm 2013 (điều chỉnh loại đất từ đất nông nghiệp khác theo Luật Đất đai năm 2013 sang đất chăn nuôi tập trung theo Luật Đất đai 2024).	
4.3	Trang trại chăn nuôi heo Thảo Ngọc		UBND tỉnh đã có Quyết định số 1205/QĐ-UBND ngày 03/6/2025 quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư dự án đầu tư.		
4.4	Trang trại chăn nuôi heo thịt Hải Dương		Nhà đầu tư đang hoàn thiện lại hồ sơ do vướng mắc một số diện tích đất thuộc DA đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ gia đình, cá nhân sử dụng		
4.5	Trang trại nuôi lợn thịt - quy mô 12.000 con		Ngày 23/4/2025, Sở Tài chính đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho dự án theo quy định.		
4.6	Trang trại chăn nuôi heo thịt Ea Sô		QĐ chấp thuận CTĐT đồng thời chấp thuận NĐT số 1145/QĐ-UBND ngày 20/6/2023, tiến độ 36 tháng. UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 1151/QĐ-UBND ngày 28/5/2025 chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư dự án		
5	Cụm công nghiệp Buôn Châm, Krông Ana	Sở Tài chính	Cụm CCN Buôn Châm đã có Quyết định thành lập Cụm và lựa chọn nhà đầu tư (Quyết định 273/QĐ-UBND ngày 14/02/2025 của UBND tỉnh). Hiện nay, Nhà đầu tư đang thực hiện thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư. Sở Tài chính đã có Công văn số 1139/STC-HĐNNNS ngày 19/3/2025 và Công văn số 1814/STC-HĐNNNS ngày 23/4/2025 đề nghị	- Sở Xây dựng có ý kiến về suất đầu tư về hạ tầng kỹ thuật khoảng 3,8 tỷ/ha là chưa phù hợp, tiềm ẩn rủi ro đầu tư một hệ thống hạ tầng kỹ thuật của CCN có quy mô và chất lượng thấp, ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của CCN khi đưa vào hoạt động). - Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Krông Ana có ý kiến khác nhau về việc bố trí đất cụm công nghiệp trong	

STT	Dự án	Cơ quan chủ trì theo dõi, tham mưu	Tiến độ triển khai thực hiện	Khó khăn, vướng mắc	Ghi chú
			Nhà đầu tư điều chỉnh bổ sung hồ sơ, giải trình các nội dung theo ý kiến thẩm định của các đơn vị. Tuy nhiên, đến nay NĐT chưa nộp lại hồ sơ theo yêu cầu.	Phương án sử dụng đất thu hồi của Công ty TNHH MTV cà phê - ca cao Krông Ana được phê duyệt (STNMT nói không có, UBND huyện nói có 30ha), do đó cần phải rà soát làm rõ. - Trong 50ha đất quy hoạch cụm công nghiệp có 2ha đất của hộ gia đình cá nhân. Tuy nhiên diện tích đất này chưa được đăng ký vào danh mục dự án cần thu hồi đất trình HĐND phê duyệt. - Nhà đầu tư phải điều chỉnh, bổ sung hồ sơ đánh giá sơ bộ tác động môi trường của Dự án theo đúng quy định tại khoản 3 Điều 29 Luật Bảo vệ môi trường.	
6	Cụm công nghiệp Tân Tiến, Krông Pắc	Sở Công Thương	UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 1097/QĐ-UBND ngày 20/5/2025 phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Krông Pắc. Hiện Sở Công Thương đã trình UBND tỉnh kiện toàn Hội đồng đánh giá lựa chọn chủ đầu tư cụm công nghiệp và đang phối hợp các Sở, ngành thẩm định hồ sơ thành lập CCN Tân Tiến theo quy định.	Quỹ đất để thành lập cụm công nghiệp Tân Tiến chưa phù hợp với quy hoạch sử dụng đất của huyện Krông Pắc (Văn bản số 77/SCT-KHTCTH ngày 14/01/2025 của Sở Công Thương đề nghị xử lý vướng mắc trong việc thẩm định thành lập Cụm công nghiệp Tân Tiến, Krông Pắc).	
7	Cụm công nghiệp Cư Bao, Buôn Hồ	Sở Công Thương	UBND tỉnh đã ban hành Quyết định phê duyệt cập nhật Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 thị xã Buôn Hồ. Sở Công Thương đã hướng dẫn UBND huyện tiếp nhận hồ sơ của nhà đầu tư theo quy định. Đến nay, UBND thị xã Buôn Hồ đã đăng tải thông báo tiếp nhận hồ sơ để nhà đầu tư quan tâm nộp hồ sơ.	Vị trí, ranh giới, diện tích Cụm công nghiệp Cư Bao tại xã Cư Bao trong Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 thị xã Buôn Hồ chưa thống nhất đồng bộ với Quy hoạch tỉnh, Quy hoạch chung thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk đến năm 2045.	

STT	Dự án	Cơ quan chủ trì theo dõi, tham mưu	Tiến độ triển khai thực hiện	Khó khăn, vướng mắc	Ghi chú
8	Cụm công nghiệp Ea Ô, Ea Kar	Sở Công Thương	UBND tỉnh đã ban hành Quyết định phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk. Sở Công Thương đã hướng dẫn UBND huyện tiếp nhận hồ sơ của nhà đầu tư theo quy định. Đến nay, UBND huyện Ea Kar đã đăng tải thông báo tiếp nhận hồ sơ để nhà đầu tư quan tâm nộp hồ sơ.		
9	Khu đô thị sinh thái văn hóa, du lịch dân tộc tỉnh Đắk Lắk	Sở Xây dựng	- Về tiến độ thực hiện dự án: UBND tỉnh đã phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu để triển khai gói thầu xây lắp. Kế hoạch vốn đã bố trí để thực hiện dự án: 30,161 tỷ đồng. - Về công tác bồi thường giải phóng mặt bằng: UBND thành phố Buôn Ma Thuột đã giao Trung tâm phát triển quỹ đất trích lục bản đồ địa chính và thực hiện công tác cắm mốc giới Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 ngoài thực địa; đã ban hành Kế hoạch thực hiện công tác bồi thường hỗ trợ và tái định cư. Ngày 19/5/2025, đồng chí Nguyễn Thiên Văn, Quyền Chủ tịch UBND tỉnh chủ trì cuộc họp để xem xét tháo gỡ khó khăn, vướng mắc của Tp. Buôn Ma Thuột trong công tác bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng, tái định cư cho các hộ gia đình, cá nhân tại Khu đô thị sinh thái văn hóa, du lịch dân tộc tỉnh Đắk Lắk và Văn phòng UBND tỉnh đã ban hành Thông báo số 88/TB-VPUBND ngày 20/5/2025 yêu cầu UBND thành phố Buôn Ma Thuột tập trung	Tại Mục 6, Phụ lục đính kèm Thông báo số 148/TB-VPUBND ngày 04/10/2021, UBND tỉnh giao: “UBND thành phố Buôn Ma Thuột lập dự án xây dựng Khu tái định cư để thực hiện giao đất cho các hộ dân khi Nhà nước thu hồi đất; UBND thành phố Buôn Ma Thuột là đơn vị thực hiện bồi thường giải phóng mặt bằng, tái định cư Dự án, khẩn trương, tập trung thực hiện để hoàn thành trong quý II/2022. Gửi thông tin về Sở Xây dựng để lập hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư dự án; Sở Kế hoạch và Đầu tư tổ chức lấy ý kiến các đơn vị liên quan, tổng hợp, lập báo cáo thẩm định trình UBND tỉnh trong quý III/2022”. Tuy nhiên, công tác thực hiện bồi thường giải phóng mặt bằng quá chậm dẫn đến chưa đủ điều kiện để Sở Xây dựng lập hồ sơ chấp thuận chủ trương dự án	

STT	Dự án	Cơ quan chủ trì theo dõi, tham mưu	Tiến độ triển khai thực hiện	Khó khăn, vướng mắc	Ghi chú
			mọi nguồn lực để khẩn trương thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả; phối hợp với các ngành nghiên cứu kỹ quy định của pháp luật về chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư tập trung, chuẩn bị các công việc cần thiết để đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng, hoàn thành các bước công việc, sớm đưa quỹ đất vào bán đấu giá theo đúng kế hoạch		
10	Trung tâm Dệt - may veston tại CCN Ea Dar của Công ty CP Dệt may Liên Phương Highland	Sở Tài chính	Ngày 31/3/2025, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 747/QĐ-UBND về việc chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư Dự án.		
11	Dự án Xây dựng khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Xuân Thiện Cư M'gar	Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Môi trường	- Đến nay, việc đầu tư xây dựng trên diện tích đất thực hiện mục tiêu nông nghiệp cơ bản hoàn thành. - Trên cơ sở Tờ trình số 52/TTr-SNN ngày 28/02/2025 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ban thường vụ Tỉnh ủy đã có ý kiến thống nhất điều chỉnh dự án tại cuộc họp ngày 26/5/2025, UBND tỉnh sẽ phê duyệt Đề án trong thời gian tới để làm cơ sở triển khai thực hiện các bước tiếp theo của Dự án.	Nhà đầu tư phải thực hiện nhiều thủ tục pháp lý điều chỉnh liên quan sau khi UBND tỉnh phê duyệt đề án điều chỉnh thì mới có cơ sở triển khai thực hiện Dự án. Sau khi UBND tỉnh phê duyệt điều chỉnh Đề án, Công ty sẽ có trách nhiệm triển khai điều chỉnh, bổ sung các thủ tục có liên quan đến dự án (điều chỉnh chủ trương đầu tư, điều chỉnh quy hoạch tổng mặt bằng tỷ lệ 1/500; các thủ tục đề cấp giấy phép về môi trường; điều chỉnh Quyết định số 2707/QĐ-UBND ngày 10/11/2020 về việc cho thuê đất thực hiện dự án...) để trình cấp thẩm quyền phê duyệt theo quy định, làm cơ sở để xây dựng hoàn thiện và đưa dự án đi vào hoạt động.	
12	Nhà máy xử lý	UBND thành	UBND thành phố BMT đang triển khai thủ	Quỹ đất dự kiến thực hiện dự án cơ sở	

STT	Dự án	Cơ quan chủ trì theo dõi, tham mưu	Tiến độ triển khai thực hiện	Khó khăn, vướng mắc	Ghi chú
	chất thải rắn sinh hoạt cho thành phố BMT	phố Buôn Ma Thuột	tục đầu thầu	xử lý chất thải rắn Hòa Phú là đất sạch do Nhà nước quản lý theo Điều 217 Luật Đất đai. Do đó không đủ điều kiện đưa vào Danh mục khu đất đầu thầu dự án có sử dụng đất. định của pháp luật về đất đai. Theo khoản 1 Điều 29 của Luật Đầu tư năm 2020, quy định việc lựa chọn Nhà đầu tư thực hiện dự án được tiến hành thông qua một trong các hình thức sau: “a) Đấu giá quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai; b) Đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về đấu thầu; c) Chấp thuận nhà đầu tư theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều này.”. Như vậy, việc lựa chọn nhà đầu tư dự án có sử dụng đất ngoài hình thức đấu thầu dự án còn có hình thức khác. Do đó, đề nghị UBND TP BMT nghiên cứu thực hiện thủ tục lựa chọn Nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư nêu trên. Theo Công văn số 438/STNMT-QLĐĐ ngày 07/02/2025 của Sở Tài nguyên và Môi trường (trước sắp xếp) thì khu đất tại Khu B, Cơ sở xử lý chất thải rắn Hòa Phú thuộc thôn 11, xã Hòa Phú, thành phố Buôn Ma Thuột có diện tích khoảng 4 ha không đủ điều kiện, tiêu chí đưa vào Danh mục khu đất thực hiện đấu thầu theo Điều 126 Luật Đất đai năm 2024 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk	

STT	Dự án	Cơ quan chủ trì theo dõi, tham mưu	Tiến độ triển khai thực hiện	Khó khăn, vướng mắc	Ghi chú
				do không thuộc trường hợp thu hồi đất quy định tại Điều 79 Luật Đất đai năm 2024.	
13	Mở rộng Nhà máy chế biến Cà phê Ngon	Sở Công Thương	Dự án đã được chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư. Đến nay đã hoàn thành việc nâng công suất nhà máy lên 30.000 tấn sp/năm (tổng công suất giai đoạn 01 và 02). Còn giai đoạn 03: chế biến cà phê hòa tan theo phương pháp sấy lạnh với công suất 6.000 tấn sp/năm, hiện đã hoàn thiện nhập khẩu, lắp đặt hệ thống dây chuyền, máy móc; doanh nghiệp đang thực hiện các thủ tục đánh giá tác động môi trường cho giai đoạn 03 để đưa vào hoạt động		
14	Nhà máy chế biến hoa quả sấy khô Darlac Farm 2	Sở Công Thương	Dự án đã có quyết định giao đất, được giao đất, đã hoàn thành thẩm định thiết kế triển khai sau thiết kế cơ sở. Hiện công ty đang thực hiện đề nghị điều chỉnh chủ trương đầu tư theo văn bản số 2076/STC-HĐNNS của Sở Tài chính ngày 9/5/2025.		
II Một số công trình, dự án khác					
1	Dự án Trung tâm Văn hóa Nghệ thuật tỉnh	Sở Tài chính, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	- Ngày 15/5/2025, Đoàn khảo sát của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đến làm việc tại tỉnh Đắk Lắk và trực tiếp khảo sát tại Trung tâm Văn hóa - Du lịch (Dự án Trung tâm Văn hóa - Nghệ thuật tỉnh), Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã đề xuất trong Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025 - 2035 để Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổng hợp vào danh mục đầu tư giai đoạn I từ năm 2025 - 2030.		

STT	Dự án	Cơ quan chủ trì theo dõi, tham mưu	Tiến độ triển khai thực hiện	Khó khăn, vướng mắc	Ghi chú
			- Tiếp tục nắm thông tin đến khi Chương trình được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chuẩn bị triển khai, Sở sẽ báo cáo với UBND tỉnh sắp xếp làm việc với các Bộ, ngành Trung ương liên quan theo chỉ đạo của Ban Chỉ đạo 321.		
2	Công trình biểu tượng “Hoà bình và Phát triển”	Sở Xây dựng	- Ngày 08/5/2025, Sở Xây dựng có Công văn số 1546/SXD-QHKT báo cáo đề xuất UBND tỉnh phê duyệt Kế hoạch, nhiệm vụ và dự toán thi tuyển phương án kiến trúc công trình mang tính biểu tượng “Hoà bình và Phát triển” tại Thành phố Buôn Ma Thuột. - Theo chỉ đạo của UBND tỉnh tại Công văn số 3559/UBND-KTTH ngày 14/4/2025 về việc triển khai Thông báo kết luận của Ban Chỉ đạo 321 tại cuộc họp ngày 25/3/2025 giao Sở Xây dựng chủ trì, nghiên cứu phương án mở rộng Quảng trường 10/3: Báo cáo đề xuất UBND tỉnh phương án mở rộng Quảng trường 10/3 thành phố Buôn Ma Thuột tại Công văn số 2066/SXD-QHKT ngày 04/6/2025, để từ đó xác định vị trí xây dựng công trình biểu tượng Hòa bình và Phát triển.		